

NHỮNG TƯ LIỆU VỀ NGUYÊN QUÁN CỦA LÝ CÔNG UẨN

Nguyễn Phúc Anh*

Vấn đề “quê hương nhà Lý” hay chính là vấn đề về nguyên quán của Lý Công Uẩn 李公蘊 là một trong những vấn đề thời gian qua được đề cập đến nhiều trên những diễn đàn học thuật trong và ngoài nước. Nghiên cứu nguồn gốc tổ tiên của những vị vua Việt Nam trong lịch sử, không phải là một vấn đề học thuật khảo chứng thuần túy “tháp ngà”. Việc xác lập thân thế của một trong những vị vua đầu tiên “thời kỳ độc lập tự chủ của dân tộc” như Lý Công Uẩn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì nó góp phần định hình một hình dung đúng đắn hơn về vị thế của vương triều Lý thời kỳ đầu, trong mối tương quan với những vương triều khác trong khu vực..

Lịch sử thời Bắc thuộc nói riêng và lịch sử trung đại Việt Nam nói chung thường có xu hướng được miêu tả như là lịch sử chống ngoại xâm, là sự đấu tranh giữa các thế lực bản địa và thế lực phong kiến Trung Quốc, để rồi giản hóa lịch sử thành cuộc đối đầu giữa hai phe ta-địch rõ ràng mà sự nhập nhằng trong quan hệ hai phe là điều không dễ được chấp nhận. Tuy nhiên, từ cuối những năm 70, một số nhà sử học như Giáo sư Trần Quốc Vượng đã dự cảm vấn đề không đơn giản như vậy. Rất nhiều sĩ phu, quan lại, thủ lĩnh có nguồn gốc từ phương bắc, sau một thời gian di cư xuống phía nam đã “bản địa hóa”, đại diện cho quyền lợi của các cộng đồng dân cư phía nam.⁽¹⁾ Từ thực tế học thuật đó, chúng tôi muốn có những tổng kết tư liệu, nhằm xem xét lại cuộc tranh luận về nguồn gốc của Lý Công Uẩn.

Hiện nay những nguồn sử liệu nghiên cứu vấn đề quê hương nhà Lý có thể chia làm hai nhóm chính bao gồm: hệ thống sử liệu về nguồn gốc Mân (Phúc Kiến) của Lý Công Uẩn (thông thường đây là những sử liệu “được coi” là có nguồn gốc Trung Quốc) và hệ thống sử liệu về nguồn gốc Giao Chỉ của Lý Công Uẩn (thường “được coi” là những sử liệu bản địa, của Việt Nam).

Trước khi tiến hành phân tích sâu hơn chúng tôi xin nêu ra mấy điểm giới thuyết như sau:

1. Chúng tôi đề cập “nguồn gốc Trung Quốc” hay “nguồn gốc bản địa” của sử liệu không phải là để và cũng không nên là để định hướng người đọc chăm chú vào quan điểm quốc gia chủ nghĩa (nationalism) mà bỏ qua sự khách quan của bản thân sử liệu. Khoa học lịch sử yêu cầu phải nghiên cứu và đánh giá sử liệu từ bản thân nội dung sử liệu và vị thế của người tạo tác ra nó một cách khách quan. Trong khi chưa thực sự rõ ràng về bản chất của những vương triều đầu tiên xuất hiện trên “vùng đất được gọi là Việt Nam ngày nay” thì chúng ta vẫn chưa thể áp đặt quan niệm về quốc gia hiện đại của chúng ta ngày nay lên hệ thống sử liệu quá khứ được.

* Nghiên cứu sinh ngành Nhân học xã hội tại Tokyo Metropolitan University, Nhật Bản.

Về mặt giá trị sử liệu mà nói, những sử liệu vốn được cho là có nguồn gốc “nước ngoài”, đóng vai trò quan trọng trong việc kiến dựng và phát triển những sử liệu “bản địa”. Từ góc nhìn đương đại có thể thấy, người Việt Nam có truyền thống chép sử không mạnh, khả năng bảo tồn văn hiến cũng hết sức hạn chế, chủ yếu là do khí hậu, phá hoại chính trị bên trong và bên ngoài mà chiến tranh chỉ là một phần trong đó... Sử liệu có nguồn gốc “nước ngoài” từ lâu nay vẫn đóng vai trò quan trọng, cùng với sử liệu “bản địa” trở thành nguồn cung cấp thông tin quý giá cho khoa học lịch sử.

Trong khi đó, hệ thống sử liệu “bản địa” được bảo lưu đến ngày nay có thời điểm xuất hiện tương đối muộn. Những bộ sử của Đỗ Thiện, Lê Văn Hưu còn nằm trong phạm vi giả thiết về nội dung nhiều hơn là thực chứng. Đối với những giai đoạn, thời kỳ lịch sử xa xôi, đặc biệt là quãng khoảng thế kỷ X đến thế kỷ XV, tư liệu lịch sử khan hiếm và ít ỏi. Họa hoằn ở đâu đó, người ta tìm được một vài tấm bia mang niên hiệu Lý hoặc Trần mà độ khả tín còn cần phải cân nhắc. Chính bởi vậy, sử liệu có “nguồn gốc Trung Quốc” là tư liệu tham chiếu chủ yếu mà các sử gia bản địa thời cổ sử dụng để biên soạn những bộ chính sử bản địa đầu tiên! Hơn nữa, trong điều kiện tính chất của hình thái nhà nước cùng với quan hệ của nhà nước Lý-Trần với các vương triều phương bắc còn nhiều điểm chưa rõ ràng thì việc xác lập một góc nhìn quốc gia chủ nghĩa để phán xét môi trường viết sử đương thời là không nên.

Trong hoạt động phê phán sử liệu, không phải những sử liệu ra đời sớm là những sử liệu mà thông qua hoạt động cân nhắc, đánh giá, đối chiếu... luôn là sử liệu đáng tin nhất. Song trong hoạt động nghiên cứu lịch sử, những sử liệu có niên đại ra đời sớm là những sử liệu bắt buộc người ta phải ưu tiên chú ý và thừa nhận là sử liệu quan trọng bởi độ gần cách thời gian với sự kiện ảnh hưởng trực tiếp đến độ phong phú, chuẩn xác của những kênh cung cấp thông tin cho sử liệu. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc định hình niềm tin của người tiếp nhận đối với thông tin mà sử liệu đó cung cấp.

Mặt khác, theo chúng tôi, rắc rối trong việc phê phán sử liệu đó chính là quá chú trọng vào việc phán đoán thông tin của một sử liệu là đúng hay sai mà trong khi đó, hầu hết sử liệu chỉ tồn tại ở dạng đáng tin hay không đáng tin mà thôi. Chúng tôi cho rằng, trọng điểm của hoạt động phê phán sử liệu đó chính là tìm kiếm đường đi của tư liệu, quá trình (dù chỉ là ý tưởng hay giả thiết về quá trình) tương tác, thừa kế lẫn nhau của những nguồn sử liệu, xếp đặt các sử liệu thành một hệ thống có lớp lang, vẽ ra được đường đi của tư liệu, lý giải những thêm bớt về nội dung của sử liệu, kiểm chứng tính độc lập của sử liệu, đồng thời cần xét đến những thành tố ngoại vi của sử liệu như vị thế và tư cách của sử gia trong việc viết sử. Điều này nếu không được chú ý, dễ kéo theo những định kiến về một dòng sử liệu nào đó, để rồi bài bác lại những dòng sử liệu trái chiều.

Nếu như đã coi lịch sử là những câu chuyện thì câu chuyện nào có thể thuyết phục được người nghe hơn (thông qua khả năng người tiếp nhận thông tin có thể tin cậy vào nguồn cấp tin của câu chuyện, vào người kể chuyện cũng như sự đáng tin của các tình tiết thông qua việc đối chiếu với các sử liệu khác) thì nguồn tin đó là đáng tin hơn. Thông qua quá trình phê phán sử liệu, nên tránh xu hướng phán xét về một sử liệu là đúng hay sai (kể cả những sử liệu

bị quy kết là ngụy tạo cũng có thể đã đúng trong thực tế lịch sử) mà chỉ có thể đưa ra kết luận là sử liệu nào đáng tin, có cơ sở hơn một sử liệu nào khác. Vậy nên hoạt động trung tâm của phê phán sử liệu là nỗ lực của nhà nghiên cứu trong việc thuyết minh sự đáng tin và có cơ sở của một sử liệu, hay một nhóm sử liệu nào đó. Từ đó mà ta nhắc đến sự đáng tin và có cơ sở của sử liệu như là nền tảng của niềm tin vào sự thật lịch sử, đồng thời cũng là những yếu tố cần phải làm rõ khi bênh vực một sử liệu hay một nhóm sử liệu.

Một số nhà nghiên cứu tuy không trực tiếp thể hiện sự ám ảnh của chủ nghĩa dân tộc trong lựa chọn sử liệu, nhưng do hạn chế về đọc cổ ngữ, về tư liệu hay thậm chí là sự cầu thả trong tìm hiểu lịch sử nghiên cứu đã thiếu công bằng trong việc tiếp nhận sử liệu.

2. Xung quanh quan điểm của những học giả hiện đại về vấn đề nguồn gốc của nhà Lý:

Hiện nay trong giới học giả Trung Quốc và Việt Nam có hai luồng quan điểm khác nhau về nguồn gốc nhà Lý. Luồng quan điểm thứ nhất muốn thừa nhận gốc Mân của Lý Công Uẩn, mà tiêu biểu là học giả Việt Nam Hoàng Xuân Hãn. Một số học giả Trung Quốc cũng có cùng quan điểm này như Hàn Chấn Hoa [韩振华: 1989], Lý Thiên Tích [李天锡: 2002]. Về cơ bản họ đồng thuận rằng Lý Công Uẩn là người gốc Mân (Phúc Kiến). Căn cứ cho những lập luận của họ thường là những tư liệu lịch sử xuất hiện sớm khác, có niên đại, tác giả và tình hình văn bản tương đối rõ ràng. Trong khi đó, lại có quan điểm muốn phủ nhận gốc Mân và khẳng định nguồn gốc Giao Chỉ của một số nhà nghiên cứu khác [Trần Quốc Vượng: 2001; Nguyễn Quang Ngọc: 2011; Nguyễn Ngọc Phúc: 2011].⁽²⁾

Từ góc độ quốc gia chủ nghĩa mà nói, thông thường, nguồn sử liệu “từ Trung Quốc” thường không khơi gợi được lòng tin của giới nghiên cứu lịch sử Việt Nam, những người đôi khi có xu hướng nếu phải chọn để tin theo những nguồn sử liệu trong nước hay nguồn sử liệu ngoại lai thì nhất định sẽ thiên hơn về những sử liệu trong nước. Họ cho rằng sử liệu ngoại lai, đặc biệt là sử liệu Trung Quốc là không đáng tin bằng, bởi lý do sử liệu này có thể bị làm nhiễu bởi những vấn đề chính trị, tư tưởng phân biệt Hoa Di, khoảng cách địa lý, rào cản ngôn ngữ, sự hạn chế tư liệu hay thậm chí là sự che giấu có chủ đích và “xuyên tạc” lịch sử của một quốc gia được coi là phen giầu và chậm phát triển. Song khó có thể phủ nhận rằng, ngay cả những sử liệu bị đặt vấn đề nghi ngờ nhiều nhất, cũng có thể cung cấp cho ta một hàm lượng sự thực lịch sử khá tin nhất định nào đó. **Điểm chưa thỏa đáng trong cách phê phán sử liệu của một số nhà nghiên cứu, đó là tìm kiếm những thông tin có vẻ không chính xác trong một sử liệu nào đó để rồi đặt vấn đề nghi ngờ với toàn bộ sử liệu, đây là một giải pháp khá dễ dãi, song là cách nhanh nhất để gạt bỏ một sử liệu không phù hợp với tín niệm tiền định.**

Hoàng Xuân Hãn khi bàn về Lý Công Uẩn có viết:

“Theo sử ta, Lý Công-Uẩn là con vô-thừa-nhận. Bố nuôi là Lý Tự-Khanh, cho nên lấy họ là Lý. TT⁽³⁾ còn chép chuyện hoang-đường mẹ có mang với thần-nhân. Sự thật, chắc rằng thuyết ấy là bịa đặt ra, hoặc để che đậy một gốc-tích không được đẹp-đẽ, hoặc để cho dân-sự đương thời theo về. Sách VSL⁽⁴⁾ chép: khi lên ngôi, Lý Công-Uẩn phong bố làm Hiến-khánh-vương, anh làm Vũ-uy-

vương. Xem vậy, Công-Uẩn biết cha là ai và có đủ họ hàng, chứ không phải là một đứa con vô-thừa-nhận. Tuy ta có thể nghĩ rằng bố đây là bố nuôi, nhưng VSL chép rõ những chữ: phụ, huynh, đệ.

Vì thế, thuyết nói Công-Uẩn gốc người Mân có thể là thật. Vả chẳng nước ta bắc-thuộc trong nghìn năm, người Trung-quốc hoặc sang buôn-bán, hoặc sang làm việc quan, rồi sinh con-cái ở đất ta rất nhiều. Cho nên Lý Công-Uẩn rất có thể là con cháu một người Mân. Tổ-tiên sang nước ta lúc nào? Dựa vào sự họ Lý giấu gốc-tích, tôi nghĩ rằng gốc tích ấy mới. Có lẽ bố Lý Công-Uẩn người Mân, có chức-vị quan-trọng ở đó. Khi Tống lấy nước Mân (971), họ Lý chạy sang ta ẩn-tích. Sau Công-Uẩn làm vua nước ta, không muốn nói mình là người Bắc; lại nhân muốn tăng lòng dân tin cậy, nên mới bịa ra thuyết con thần. Không biết giả-thuyết này có đúng hay không. Một điều chắc-chắn là đời Tống, người Tống đều nhận họ Lý gốc ở Mân; không những Từ Bá-Tường nói mà thôi, mà sách *Mộng-khê bút đàm* cũng nói thế.” [Hoàng Xuân Hãn, 1998: 372].

Những giả thuyết của Hoàng Xuân Hãn mãi chỉ là giả thuyết. Song những nghi ngờ của ông đã chỉ dẫn cho chúng tôi rất nhiều khi tìm kiếm tư liệu phục vụ cho bài viết này.

Một trong những thao tác phê phán sử liệu là tiến hành phân loại, đồng thời xác định tác giả, niên đại cho hệ thống sử liệu hướng đến phê phán [Hà Văn Tấn, 2008: 148; Phan Ngọc Liên, 2011: 212]. Trong phần này, chúng tôi sẽ cố gắng kết hợp ba nhiệm vụ ấy trong một thao tác.

Trước khi xem xét tất cả những sử liệu bàn về nguồn gốc của Lý Công Uẩn chúng ta cần phải thống nhất trước hết về mặt khái niệm. Nhiều sử liệu cơ bản được xét đến và cả những nhà nghiên cứu sau này thường có xu hướng đồng nhất ba thông tin về nguyên quán (nơi tổ tiên Lý Công Uẩn phát tích), về quê hương (nơi Lý Công Uẩn gắn bó cuộc đời và thừa nhận là quê nhà của mình) và về đất đặt lăng mộ (nơi Lý Công Uẩn chọn là nơi an táng của bản thân và con cháu đời sau) với nhau. Không phải lúc nào đất đặt lăng mộ cũng là nơi được xác nhận là quê hương, và càng không phải lúc nào cũng là nơi phát tích của bản thân họ. Trong trường hợp này chúng tôi chỉ bàn đến trường hợp *nguồn gốc* của Lý Công Uẩn, tức *nguyên quán* chứ không bàn đến hai yếu tố còn lại. Song, trong trường hợp sử liệu có khả năng hiểu đa nghĩa, vừa là thông tin về nguyên quán, vừa là thông tin về quê hương hay đồng nhất các yếu tố thì chúng tôi vẫn bàn đến ở đây như một sử liệu có nhiều cách hiểu.

Như trên đã giới thuyết, có thể chia những sử liệu gốc có liên quan đến nguồn gốc quê hương của Lý Công Uẩn ra làm hai nhóm.

1. Nhóm sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người Mân

Bao gồm những sử liệu sau:

1.1. *Tốc thủy ký văn* 涑水記聞 của Tư Mã Quang 司馬光 (1019-1086).⁽⁵⁾

Trong *Tốc thủy ký văn*, Tư Mã Quang chủ yếu viết về giai đoạn sáu đời vua Bắc Tống 北宋六朝 từ năm 906 đến năm 1070. Như vậy, quyển sách *Tốc thủy ký văn* được biên soạn vào quãng khoảng 1070 đến 1086, tức là ngay trong hoặc gần sát giai đoạn cuộc chiến tranh Tống-Lý năm 1075.⁽⁶⁾ Sách có đoạn viết:

“Trong năm Hi Ninh... Tiến sĩ Lĩnh Nam⁽⁷⁾ là Từ Bách Tường⁽⁸⁾ nhiều lần thi mà không đỗ đại khoa, ngầm viết thư cho Giao Chỉ rằng: “Đại vương tổ tiên vốn là người Mân. Nghe nói bây giờ công khanh quý nhân ở Giao Chỉ đa phần là người Mân vậy. Bách Tường này tài lược không kém cạnh ai, nhưng không muốn phụng sự cho Trung Quốc nữa, xin được phụ tá dưới trướng đại vương. Nay Trung Quốc muốn cử binh diệt Giao Chỉ. Binh pháp có câu: “kẻ vào trước có thể đoạt được lòng người”, chẳng bằng cử binh trước vào cướp đánh, Bách Tường xin làm nội ứng. Vì thế mà Giao Châu nổi đại binh vào đánh cướp, vây hãm ba châu Khâm, Liêm, Ung. Bách Tường không có cơ hội để mà đến quy hàng chúng. Khi ấy Thạch Giám thân với Bách Tường, dâng tấu khen Bách Tường có chiến công, ngoài chức Thị cấm⁽⁹⁾ còn sung làm Tuần kiểm ba châu Khâm, Liêm, Bạch. Triều đình lệnh Tuyên Huy sứ Quách Quỷ thảo phạt Giao Chỉ. Giao Chỉ xin hàng và nói rằng: “Chúng tôi vốn không vào cướp, người Trung Quốc gọi chúng tôi vào thôi”. Rồi đưa thư của Bách Tường cho Quỷ. Quỷ lệnh Quảng Tây chuyển vận ty theo đó mà tra hỏi. Bách Tường chạy trốn, treo cổ tự sát. Ghi chép theo lời của Quách soái (Quách Quỷ).”

熙寧中, [...] 嶺南進士徐百祥屢舉不中第, 陰遣交趾書曰: 大王先世本閩人, 聞今交趾公卿貴人多閩人也. 百祥才略不在人後, 而不用於中國, 願得佐大王下風. 今中國欲大舉以滅交趾. 兵法: “先入有奪人之心”, 不若先舉兵入寇, 百祥請為內應. 於是交趾大發兵入寇, 陷欽、廉、邕三州. 百祥未得間往歸之. 會石鑑與百祥有親. 奏稱百祥有戰功, 除侍禁, 充欽、廉、白州巡檢. 朝廷命宣徽使郭達討交趾. 交趾請降曰: “我本不入寇, 中國人呼我耳”. 因以百祥書與達, 達檄廣西轉運司按鞠. 百祥逃去, 自經死. 郭帥云. [Tư Mã Quang 司馬光, 1997, quyển 13: 248].

Đây là lời của Quách soái (Quách Quỷ) nói cho Tư Mã Quang nghe. Vậy nên những lời này là lời của những người trong cuộc, xuất hiện sau khi cuộc chiến kết thúc có lẽ không lâu.

1.2. *Mộng Khê bút đàm* 夢溪筆談 của Thẩm Quát 沈括 (1031-1095).

Mộng Khê bút đàm được viết trong khoảng 1086-1093. Bản khắc in năm 1166, nay đã thất truyền. Bản sớm nhất hiện còn được biết đó là bản *Nguyên san Mộng Khê bút đàm* 元刊夢溪筆談 do Trần Nhân Tử 陳仁子 san khắc ở Đông Sơn thư viện 東山書院刻本 năm Đại Đức thứ 9 大德九年 (1305) đời Nguyên. *Mộng Khê bút đàm* viết:

“Giao Chỉ là đất cũ Giao Châu của đời Hán đời Đường. Ngũ đại loạn lạc, Ngô Văn Xương mới chiếm An Nam rồi dần chiếm đất của Giao, Quảng. Sau này Văn Xương bị Đinh Liễn giết, Liễn có đất của Văn Xương. Năm thứ sáu niên hiệu Khai Bảo triều ta, Liễn mới quy phục, ban cho chức Tĩnh Hải quân tiết độ sứ; năm thứ tám phong là Giao Chỉ quận vương.

Cảnh Đức nguyên niên, thổ nhân là Lê Uy giết Liễn tự lập; năm thứ ba Uy chết, An Nam đại loạn, lâu không có ai là tù trưởng. Quốc nhân sau đó cùng lập người đất Mân là Lý Công Uẩn làm chúa. Năm thứ 7 niên hiệu Thiên Thánh, Công Uẩn chết, con là Đức Chính lên thay. Năm thứ 6 niên hiệu Gia Hựu, Đức Chính chết, con là Nhật Tôn lên thay.

Từ khi Công Uẩn chiếm An Nam, mới có lo lắng về chốn biên cương, hẳn nhiều lần đưa quân vào cướp. Đến đời Nhật Tôn, còn tiếm xưng là “Pháp Thiên Thuận Ứng Sùng Nhân Chí Đạo Khánh Thành Long Tường Anh Vũ Duệ Văn

Tôn Đức Thánh Thần Hoàng Đế”, tôn Công Uẩn làm Thái Tổ Thánh Vũ Hoàng Đế, quốc hiệu Đại Việt. Hi Ninh nguyên niên, cải nguyên bầy thành Bảo Tượng; năm sau lại cải thành Thần Vũ. Nhật Tôn chết, con là Càn Đức lên thay, để hoạn quan Lý Thượng Cát và mẹ Lê thị, hiệu là Yến Loan thái phi cùng coi việc nước”.

交趾乃漢、唐交州故地。五代離亂，吳文昌始據安南，稍侵交、廣之地。其後文昌為丁璉所殺，復有其地。國朝開寶六年，璉初歸附，授靜海軍節度使；八年，封交趾郡王。

景德元年，土人黎威殺璉自立；三年，威死，安南大亂，久無酋長。其後國人共立閩人李公蘊為主。天聖七年，公蘊死，子德政立。嘉祐六年，德政死，子日尊立。

自公蘊據安南，始為邊患，屢將兵入寇。至日尊，乃僭稱「法天應運崇仁至道慶成龍祥英武睿文尊德聖神皇帝」，尊公蘊為「太祖神武皇帝」，國號大越。熙寧元年，偽改元寶象；次年又改神武。日尊死，子乾德立，以宦人李尚吉與其母黎氏號燕鸞太妃同主國事。[Thẩm Quát 沈括, 1975, vol. 25: 26-27].

1.3. *Tục Tư trị thông giám trường biên* 續資治通鑑長編 của Lý Đảo 李燾 (1115-1184).

Tục Tư trị thông giám trường biên được hoàn thành vào năm 1182. Đây là bộ sách đánh dấu công sức và tâm huyết cả đời của Lý Đảo. Có rất nhiều thông tin liên quan đến Từ Bá Tường và gốc gác của Lý Công Uẩn trong bộ sách này. Đây là một trong những tư liệu quan trọng song hầu hết những nhà nghiên cứu đều khai thác nó một cách chưa đầy đủ:

“Chiếu lấy Tiến sĩ Quảng Tây Từ Bá Tường làm Hữu thị cấm. Trước đó, giặc Giao Chỉ dồn bắt từ Ung Châu già trẻ mấy ngàn người, định sẽ theo đường Quảng Châu mà về. Bá Tường mộ được mấy chục người, liền truy sát theo sau chúng, chém được mấy chục thủ cấp, vì thế mà những người già trẻ bị bắt đi thừa cơ mà trốn thoát đến hơn bảy trăm người. Kinh lược ty biết được chuyện này, nên mới có lệnh đó. Niên hiệu Hi Ninh, triều đình sai Thẩm Khởi, Lưu Di nối nhau quản lý Quế Châu nhằm mưu đồ đánh Giao Chỉ. Khởi, Di đóng chiến thuyền, đoàn kết trai tráng các động thành, các bảo giáp, cấp cho bản đồ chiến trận để dựa theo đó mà dạy về chiến trận, các động náo động. Những người bản địa cầm bản đồ Giao Chỉ mà bàn về kế sách công thủ nhiều không đếm hết.

Tiến sĩ Lĩnh Nam là Từ Bá Tường nhiều lần thi mà không đỗ đại khoa, ngầm viết thư cho Giao Chỉ rằng: “Đại vương tổ tiên vốn là người Mân. Nghe nói bây giờ công khanh quý nhân ở Giao Chỉ đa phần là người Mân vậy. Bá Tường này tài lược không kém cạnh ai, nhưng không muốn phụng sự cho Trung Quốc nữa, xin được phụ tá dưới trướng đại vương. Nay Trung Quốc muốn cử binh diệt Giao Chỉ. Binh pháp có câu: “kẻ vào trước có thể đoạt được lòng người”, chẳng bằng cử binh trước vào cướp đánh, Bá Tường xin làm nội ứng. Vì thế mà Giao Châu nổi đại binh vào đánh cướp, vây hãm ba châu Khâm, Liêm, Ung. Bá Tường không có cơ hội để mà đến quy hàng chúng. Khi ấy Thạch Giám thân với Bá Tường, dâng tấu khen Bá Tường có chiến công, ngoài chức Thị cấm còn sung làm Tuần kiểm ba châu Khâm, Liêm, Bạch. Triều đình lệnh Tuyên Huy sứ Quách Quỳ thảo phạt Giao Chỉ. Giao Chỉ xin hàng và nói rằng: “Chúng tôi nay không vào cướp, người Trung Quốc gọi chúng tôi vào thôi”. Rồi đưa thư của Bá Tường cho Quỳ. Quỳ lệnh Quảng Tây chuyển vận ty theo đó mà tra hỏi. Bá Tường chạy trốn, treo cổ tự sát. Thông tin này lấy từ sách *Tốc thủy ký văn*

của Tư Mã Quang. Ngày Tân Mùi, tháng 2 năm Nguyên Phong nguyên niên, việc của Bá Tường bại lộ”.

詔以廣西進士徐伯祥為右侍禁、欽廉白州巡檢。先是，交賊自邕州驅略老小數千人，將道廣州歸。伯祥募得數十人，輒追躡其後，而所斬獲亦數十級，於是所略去老小因得乘間脫免者至七百餘人。經略司以聞，故有是命。熙寧中，朝廷遣沈起、劉彝相繼知桂州以圖交趾。起、彝作戰船，團結峒丁以為保甲，給陣圖，使依此教戰，諸峒騷然。土人執交趾圖言攻取之策者，不可勝數。嶺南進士徐伯祥屢舉不中第，陰遺交趾書曰：「大王先世本閩人，聞今交趾公卿貴人多閩人也。伯祥才略不在人後，而不用於中國，願得佐大王下風。今中國欲大舉以滅交趾，兵法先人⁽¹⁰⁾有奪人之心，不若先舉兵入寇，伯祥請為內應。」於是，交趾大發兵入寇，陷欽、廉、邕三州。伯祥未得間往歸之。會石鑑與伯祥有親，奏稱伯祥有戰功，除侍禁，充欽、廉、白州巡檢。朝廷命宣徽使郭逵討交趾，交趾請降曰：「我今不入寇，中國人呼我耳。」因以伯祥書與逵，逵檄廣西轉運司按鞠。伯祥逃去，自經死。此據司馬記聞。元豐元年二月辛未，伯祥事敗。[Lý Đảo 李燾, 1983, sách 318, quyển 273: 610].

1.4. Nhóm văn bản gồm: *Trịnh Thiệu Châu kỷ lược phụ lục* 鄭韶州紀畧附錄 của Trịnh Tùng 鄭竦 (? - ?) đời Tống, *Trịnh Khai Dương tạp trứ* 鄭開陽雜著 của Trịnh Nhượng Tăng 鄭若曾 (1503-1570) đời Minh và *Văn hiến thông khảo* 文獻通考 của Mã Đoan Lâm 馬端臨 (1254-1323) đời Nguyên.

Tác phẩm trung tâm của nhóm này là *Trịnh Thiệu Châu kỷ lược phụ lục* của Trịnh Tùng được Trương Tú Dân 張秀民 gọi với cái tên là *An Nam kỷ lược* 安南紀略 [張秀民, 1996: 58]. Văn bản đầy đủ của tác phẩm này hiện đã thất lạc, chúng ta chỉ có thể biết đến tác phẩm này thông qua bộ sách *Trịnh Khai Dương tạp trứ* 鄭開陽雜著⁽¹¹⁾ của Trịnh Nhượng Tăng đời Minh.⁽¹²⁾ Chúng tôi phỏng đoán rằng Trịnh Tùng là người sống khoảng thế kỷ XIII và ông viết *Kỷ lược* vào khoảng giữa thế kỷ này (chúng tôi ước lượng thời gian viết vào khoảng từ năm 1240 đến năm 1280).⁽¹³⁾

Sách *Kỷ lược* của Trịnh Tùng viết: “An Nam vốn là đất Giao Châu thời cổ. Lịch đại là quận huyện của nước ta. Đến triều ta (triều Tống) mới không đưa vào bản đồ. Họ Đinh, họ Lê, họ Lý thay nhau cát cứ đất ấy. Phía đông nam đất ấy sát biển, tiếp cận với Đông Hải của Chiêm Thành, đường thông các tộc man của hai xứ Khâm, Liêm; phía tây bắc thì thông đến Ung Châu. [...] Những người Giao Chỉ ít thông chuyện sách vở chữ nghĩa. Người Mân men theo biển mà đi thuyền tới đó thường được hậu đãi. Nhân đó được họ cho làm quan, hỏi han bàn bạc mà quyết mọi việc. Phàm những điều đổi thay, xảo trá, lộn xộn của họ, đa phần là từ những người du khách mà ra. Tương truyền, tổ của dòng họ Lý là Công Uẩn cũng là người Mân. Nước đó, người bản địa cực ít, phân nửa là dân các tỉnh của Trung Quốc. Các quán khách ở phương nam, dụ người làm nô bộc, khuôn vác, khi đến các châu động thì bắt trói lại đem bán, các châu động lại chuyển bán vào Giao, một người được ba lạng vàng. Những người có nghề thì giá gấp đôi. Người nào biết đọc biết viết thì giá lại gấp đôi nữa. Họ bị trói giật cánh khuỷu mà lừa đi, trên vòng dây lên buộc vào cổ, phải cúi thấp đến mức không biết đường trước mặt. Khi đến đất Giao Chỉ, thì mới biết người mua mình là ai. Những người đó phải làm nô lệ chung thân, thích chữ lên trán, phụ nữ thì thích chữ vào ngực vú, bị giam giữ rất tàn khốc, chỉ sợ chạy trốn. Ở nước đó có rất nhiều tú tài, tăng nhân đạo sĩ, bọn phương sĩ cùng lũ đầy tớ thay họ đổi tên chạy trốn”.

安南, 古交州也. 歷代為郡縣. 至我朝始不入版圖. 丁氏、黎氏、李氏代據之. 其地東南薄海, 接占城東海, 路通欽、廉兩處諸蠻. 西北通邕州. [...]其人少通文墨、閩商附海舶至者必厚遇之. 因命之官, 資以決事. 凡文移詭亂, 多自游客出. 相傳, 李氏之先曰: 公蘊者, 亦本閩人. 又其地土人極少, 半是省民. 南州客旅, 誘人作婢僕擔夫, 至州洞則縛而賣之, 州洞轉賣入交, 人取黃金三兩. 有藝能者, 金倍之. 知文書者, 又倍之. 面縛驅行, 仰繫其首, 俾不省來路. 既至其地, 各認買主, 為奴終身, 額上皆刺字, 婦人則刺胸乳, 拘繫嚴酷, 惟恐逃亡. 又有秀才、僧道、伎術及配隸亡命逃奔之者甚衆. [Trịnh Nhược Tả 鄭若曾, 1983, quyển 6: 608].

Chúng ta có thể tìm thấy một đoạn văn gần như tương đồng với đoạn văn trên trong *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm đời Nguyên song Mã Đoan Lâm không ghi chú gì về tác giả của đoạn văn này nên người ta vẫn nghĩ đó là do ông viết. Sách của Mã Đoan Lâm soạn thành vào khoảng năm thứ 11 niên hiệu Đại Đức triều Nguyên (1307) nên có thể Mã Đoan Lâm đã tham khảo sách của Trịnh Tùng.

Văn hiến thông khảo có viết: “Những người Giao Chỉ ít thông chuyện sách vở chữ nghĩa. Người Mân men theo biển mà đi thuyền tới đó thường được hậu đãi, nhân đó mà cho người đó làm quan, hỏi han bàn bạc mà quyết mọi việc. Phàm những điều dối thay, xảo trá, lộn xộn của họ, đa phần là từ những người du khách mà ra. Tương truyền, tổ của họ là Công Uẩn cũng là người Mân. Nước đó, người bản địa cực ít, phân nửa là dân các tỉnh của Trung Quốc. Các quán khách ở phương nam, dụ người làm nô bộc, khuân vác, khi đến các châu động thì bắt trói lại đem bán. Một người giá hai lạng vàng, các châu động chuyển bán vào Giao Chỉ, một người ba lạng. Một năm không dưới mấy trăm mấy ngàn người bị bán. Những người có nghề thì giá gấp đôi, người nào biết đọc biết viết thì giá lại gấp đôi nữa. Họ bị trói giật cánh khuỷu mà lừa đi, trên vòng dây lên buộc vào cổ, phải cúi thấp đến mức không biết đường trước mặt. Khi đã ra khỏi nước, thì mới biết người mua mình là ai. Họ phải làm nô lệ chung thân, đều thích lên trán bốn đến năm chữ, phụ nữ thì thích chữ từ ngực vú đến xương sườn, họ bị giam giữ rất tàn khốc, người bỏ trốn sẽ bị giết. Ở nước đó có rất nhiều tú tài, tăng nhân đạo sĩ, bọn phương sĩ cùng lũ đầy tớ thay họ đổi tên chạy trốn. Người ở đó không biết đúc tiền riêng, đều dùng tiền nhỏ bằng đồng của Trung Quốc, tiền đều do những thương nhân và lũ khách đem đến nơi đó mà có”.

其人少通文墨. 閩人附海舶往者, 必厚遇之, 因命之官, 資以決事. 凡文移詭亂, 多自游客出. 相傳其祖公蘊亦本閩人. 又其國土人極少, 半是省民. 南州客旅, 誘人作婢僕擔夫, 至州洞則縛而賣之, 一人取黃金二兩, 州洞轉賣入交趾, 取黃金三兩, 歲不下數百千人. 有藝能者, 金倍之. 知文書者, 又倍. 面縛驅行, 仰繫其首, 俾不省來路. 既出其國, 各認買主, 為奴終身, 皆刺額上為四五字, 婦人刺胸乳至肋, 拘繫嚴酷, 逃亡必殺. 又有秀才、僧道、伎術及配隸亡命逃奔之者甚多. 不能鼓鑄泉貨, 純用中國小銅錢, 皆商旅洩而出者. [Mã Đoan Lâm 馬端臨, 1983, sách 616, quyển 330: 537-538].

1.5. *Lý trang Chữ Nội Lý thị phòng phả* 李莊煮內李氏房譜 được biên soạn đầu tiên vào tháng 8 năm Bính Dần, niên hiệu Hàm Thuận đời Nam Tống (1266), biên soạn lại lần thứ hai vào tháng 3 năm Giáp Tý niên hiệu Gia Tĩnh triều Minh (1564).⁽¹⁴⁾ Cũng theo như Lý Thiên Tích 李天錫 thì văn bản này có thể đã được chỉnh sửa dưới thời vua Quang Tự nhà Thanh [李天錫, 2002: 56] theo trào lưu chỉnh sửa và cho in ấn phát hành gia phả rộng rãi thời kỳ đó. Những nội dung liên quan đến Lý Công Uẩn như sau:

Nhánh thứ 11 - Tung: [Lý] Tung, tên húy là Đại Sửu. Nguyên tịch huyện Nhiêu Dương, Thâm Châu. Hậu Tấn Cao Tổ là Tấn Xuất Đế⁽¹⁵⁾ (thời gian tại vị từ năm 942 đến năm 946), Tể tướng Lý Tung bị vu oan và bị hại. Con cháu phải đến phương nam tỵ nạn, định cư ở Lý gia trang phía đông Loan Hải, quận Mân Châu, nay thuộc hương Trung Sái, Cửu Đô. Ông sinh vào ngày mùng 9 tháng 3 năm Quý Mão, năm thứ 3 niên hiệu Trung Hòa đời Đường (883), mất vào ngày 27 tháng 10, năm Càn Hữu nguyên niên nhà Hậu Hán (948). Ông lấy vợ họ Thạch, bà được phong là phu nhân. Ông chọn mộ nơi nào giờ không rõ. Sinh được hai con là Thuần An và Hi Hồng.

十一派-崧: 崧, 諱大丑. 原籍深州饒陽. 后晉高祖出帝時, 宰相受誣遇害. 子孫避難南來, 定居閩州郡灣海東之李家莊, 今屬九都中蔡鄉也. 公生唐中和三年癸卯(883)三月初九, 卒后漢乾祐元年(948)十月念七. 配石氏, 封夫人. 公批墓地未詳. 生子二, 淳安、熙鴻.

Nhánh thứ 12 - Thuần An: [Lý] Thuần An tên chữ Phú An, con trưởng của ông Lý Tung. Làm quan Thủy lục vận sứ. Nguyên tịch huyện Nhiêu Dương, Thâm Châu, nay thuộc huyện Nhiêu Dương, tỉnh Hà Bắc, di cư đến Lý gia trang phía đông Loan Hải, quận Mân Châu, nay thuộc Trung Sái, Cửu Đô. Vì tỵ nạn mà bỏ quan chức, kinh doanh vận tải đường thủy, từng đưa thuyền đến các vùng đất Chân Lạp, Giao Chỉ, Xiêm La mà nhiều nhất là đến Giao Chỉ. Ông sinh thời Hậu Lương ngày mùng 6 tháng 9 năm Tân Ty, Càn Đức nguyên niên; mất ngày 19 tháng 10 năm Ất Hợi năm thứ hai niên hiệu Hàm Bình thời Bắc Tống.

十二派-淳安: 淳安, 字富安, 崧公長子也. 官水陸運使. 原籍深州饒陽, 今屬河北饒陽, 徙居閩州郡灣海東之李家莊, 即今之九都中蔡也. 因避難棄官營漕運, 放舶真臘、交趾、暹羅諸地, 而于交趾更甚. 公生后梁龍德元年辛巳九月初六, 卒北宋咸平二年乙亥十月十九.

Nhánh thứ 13 - Công Uẩn: [Lý] Công Uẩn, tên chữ là Triệu Diễm, con thứ của Lý Thuần An. Ông khéo võ công, giỏi văn chương. Từ nhỏ theo cha di cư đến Bắc Giang, Giao Chỉ. Khi mới ban đầu nắm chức Điện tiền chỉ huy sứ dưới triều Tiền Lê. Năm Kỷ Dậu, năm thứ 2 niên hiệu Đại Trung Tường Phù của Tống Chân Tông (1009), Giao Chỉ hỗn loạn, ông bình định có công, được triều đình suy tôn làm vua Giao Chỉ, lập nên triều Lý. Sau khi ông làm vua, liền sai sứ đến nạp cống cho triều đình nhà Tống. Tống Chân Tông sách phong cho ông làm Giao Chỉ quận vương. Cho đến triều của Tống Nhân Tông cũng lại phong ông làm Nam Bình Vương. Sau, ông còn được truy tặng tên thụy là Giao Chỉ Quốc Thái Tổ Thần Vũ Hoàng Đế. Ông sinh ngày 14 tháng Giêng năm Ung Hi nguyên niên nhà Bắc Tống, mất ngày 18 tháng 10 năm Mậu Thìn, năm thứ 6 niên hiệu Thiên Thánh. Lấy vợ người họ Lê, họ Trần, lập Đức Chính làm vương tử.

十三派-公蘊: 公蘊, 字兆衍, 淳安次子. 擅武功, 善屬文. 自幼從父徙居交趾北江. 初任前黎朝殿前指揮使. 宋真宗大中祥符二年己酉(1009)交趾廷亂, 公平定有功, 被朝臣擁立為交趾王, 是為李朝. 公為王后, 即遣使詣宋廷納貢. 真宗冊封其為交趾郡王. 迄仁宗朝亦封為南平王. 后追謚交趾國太祖神武皇帝. 公生北宋雍熙元年正月十四, 卒天聖六年戊辰十月十八. 配黎氏, 陳氏. 立德政為王子.

Những nội dung trên cho thấy: có thể những ghi chép về dòng họ Lý trong gia phả xuất hiện vào khoảng từ đời Minh đến đời vua Quang Tự nhà Thanh. Theo chúng tôi, những ghi chép này có niên đại ra đời tương đối muộn.

Lý Thiên Tích đã tiến hành đối chiếu nội dung của quyển gia phả này với những sử thư Trung Quốc như *Tân ngũ đại sử* 新五代史 (1053), *Tống sử* 宋史 (1343)... và tìm được rất nhiều điều tương hợp. Chúng tôi cho rằng phạm vi lưu hành hạn hẹp của một quyển gia phả khiến cho khó có khả năng sử gia nhà Nguyên khi viết *Tống sử* sẽ phải lặn lội từ Đại Đô (nay là Bắc Kinh) về Mân để tham khảo và thu thập sử liệu, nên có thể loại bỏ khả năng *Tống sử* chịu ảnh hưởng của gia phả này. Lúc này sẽ có hai khả năng: khả năng 1, hai nhóm tư liệu này được biên soạn độc lập; khả năng 2, gia phả đã dựa vào sử thư để biên soạn. Khả năng thứ nhất khó có thể xảy ra do nếu biên soạn độc lập thì những người trong dòng họ này đã lấy những thông tin này ở đâu? Dựa vào hồi tưởng, ký ức của dòng họ vốn chỉ kéo dài được nhiều lắm là 4 đến 5 đời, làm sao có khả năng ghi chép được một cách tường tận và chi tiết như vậy. Bản thân Lý Thiên Tích cũng phải thừa nhận bản gia phả này có những chữ, những câu thậm chí giống hoàn toàn với *Tống sử*, song có điều ông vẫn tìm cách phủ nhận sự giống nhau này là do gia phả sao chép *Tống sử* bằng cách **vin vào** truyền thống thận trọng trong biên soạn gia phả, sự tôn trọng tổ tiên của người Mân Nam cùng một số khác biệt về nội dung giữa *Tống sử* và gia phả [李天錫, 2002: 59]. Chúng tôi cho rằng sự thận trọng và tôn trọng của người Mân Nam không phải là một cái cớ; còn nguồn tư liệu để những người chủ của gia phả này dựa vào để biên soạn gia phả không chỉ có *Tống sử*, có nhiều tư liệu và nguồn thông tin khác nhau không xuất hiện trong *Tống sử* nhưng vẫn xuất hiện trong gia phả nên khác biệt là điều có thể hiểu. Không loại trừ khả năng còn có cả những tài liệu nguồn gốc Việt Nam đã được những người biên soạn gia phả tham khảo khi biên soạn gia phả này. Lý Thiên Tích đã bị tiền định bởi những định kiến của ông về sự đáng tin của hệ thống gia phả này, vì vậy đã tìm cách biện hộ cho nhiều dấu hiệu trái chiều hiển nhiên.

Một điểm nữa khiến chúng tôi nhận định rằng những nội dung liên quan đến Lý Công Uẩn được trích dẫn ra ở trên không thể là nội dung được viết vào lần biên soạn thứ nhất của quyển *Lý trang Chữ Nội Lý thị phòng phả*. Chúng tôi bắt gặp trong nội dung của chúng những chi tiết chỉ có thể có vào giai đoạn biên soạn sau này. Ví dụ như một chỗ đã bị Lý Thiên Tích cố tình (?) bỏ rơi mất một chữ “tiền” 前 khi trích dẫn,⁽¹⁶⁾ đó là đoạn giới thiệu Lý Công Uẩn ban đầu thì nắm chức Điện tiền chỉ huy sứ triều Tiên Lê. Để xác lập tên Tiên Lê thì hẳn lúc đó đã phải có nhà Hậu Lê của Lê Lợi. Tức là năm viết những dòng này phải là sau năm 1428. Khả năng có lý nhất đó chính là được biên soạn vào năm 1564, vào lần trùng biên của quyển sách trở về sau. Ít nhất, đến quãng khoảng thế kỷ XIX, văn bản này đã được hình thành bởi ta có thể thấy ảnh hưởng của nó trong một tác phẩm của Sái Vĩnh Khiêm 蔡永兼 viết vào đầu thế kỷ XIX. Kết luận, chúng tôi xác định niên đại của những thông tin về Lý Công Uẩn trong gia phả này có sớm nhất là từ năm 1564 đến khoảng đầu thế kỷ XIX.

1.6. *Độc sử phương dư kỷ yếu* 讀史方輿紀要 của Cố Tổ Vũ 顧祖禹 (1631-1692) đời Thanh biên soạn vào khoảng từ năm 1659 đến năm 1679.⁽¹⁷⁾

Độc sử phương dư kỷ yếu viết: “Đầu đời Tống, đất đó lại bị Đinh Bộ Lĩnh chiếm, tự xưng là Vạn Thắng Vương, cho con là Liễn làm Tĩnh Hải tiết độ sứ. Năm Khai Bảo thứ 6, lại nội thuộc triều đình (nhà Tống). Năm Khai Bảo thứ 8, phong làm Giao Chỉ quận vương, từ đó Giao Chỉ dần trở thành dị vực.

Liễn chết, em là Tuyên lên nối ngôi, bị thuộc tướng là Lê Hoàn soán ngôi. Đầu niên hiệu Cảnh Đức, phong làm Nam Bình Vương. Hoàn chết, con là Long Đĩnh nối ngôi. Năm Cảnh Đức thứ 4, đổi phong là Giao Chỉ quận vương. Long Đĩnh chết, con là Chí Trung nối ngôi. Năm Đại Trung Tường Phù thứ 3, bị bê tội là Lý Công Uẩn, người đất Mân, soán ngôi. Nhà Tống vẫn phong làm Giao Chỉ quận vương, truyền đến đời Nhật Tôn thì xưng đế, quốc hiệu Đại Việt. Vào thời Hi Ninh, Vương An Thạch bàn kế mở mang biên giới, xâm nhiều bờ cõi dân man. Hi Ninh năm thứ 8, người Giao Chỉ làm phản, vây hãm các châu Khâm, Liêm, Ung. Hi Ninh năm thứ 9, vua chiếu cho Quách Quỳ thảo phạt, đánh đến sông Phú Lương, chiếm được bốn châu một huyện rồi rút về. Đất ấy rồi lại nhập về với Giao Chỉ. Công Uẩn truyền ngôi được 8 đời thì dứt, con rể là Trần Nhật Cảnh có được nước”.

宋初，復為部人丁部領所據，自稱萬勝王，以子璉為靜海節度使。開寶六年，內附。八年，封交趾郡王，自是交趾遂為異域。璉死，弟璿嗣，又為其將黎桓所篡。景德初，封南平王。桓死，子龍挺嗣。景德四年，改封交趾郡王。死，子至忠嗣。大中祥符三年，為其臣閩人李公蘊所篡。宋仍封為交趾郡王，再傳至日尊稱帝，國號大越。熙寧間，王安石議開邊，侵擾蠻境。八年，交人叛，陷欽、廉、邕等州。九年，詔郭逵等討之，至富良江，得四州一縣而還。其地尋復入於交趾。公蘊八傳嗣絕，為其婿陳日昷所有。[Cố Tổ Vũ 顧祖禹, 2005, tập 4, quyển 112: 4988].

1.7. *Tây Sơn tạp chí* 西山雜誌 của Sái Vĩnh Khiêm 蔡永謙 (1776-1835) đời Thanh. Sái Vĩnh Khiêm vốn là người Đông Thạch, Tấn Giang. Do không rõ niên đại ra đời của quyển sách, ta có thể phỏng đoán là sách ra đời khoảng đầu thế kỷ XIX (1800-1835), lấy điểm đầu là khi Sái Vĩnh Khiêm trưởng thành, điểm cuối là năm ông mất. Nội dung *Tây Sơn tạp chí* viết:

“Lý trang có năm thôn, nằm giữa Tăng Thố và Đại Phòng. Năm Khai Vận nguyên niên nhà Hậu Tấn thời Ngũ đại, Nam Đường chủ bàn cách đánh đất Mân. Thị trung là Lý Tùng can không nên đánh. Lý Tùng sống ở phía tả của Ngô Sơn, ông vốn phải đi thuyền theo đường biển về phương nam, lánh nạn ở đấy. Con ông là Lý Phú An, tên chữ là Sơn Bình, bỏ học theo nghề buôn, thuyền buôn đi xa đến tận các nước Chân Lạp, Chiêm Thành, các nước ở vịnh Xiêm La. An Nam, Giao Chỉ là biết rõ nhất. Mỗi lần thuyền đi, người trong thôn xóm cùng đi theo. Con út là Lý Công Tố, thời Bắc Tống được suy tôn lên làm vua, xây dựng vương triều ở An Nam kéo dài chín đời. Lý gia cảng là nơi đậu thuyền của Lý Sơn Bình vậy”.

李莊有五，在曾厝、大房之間。五代后晉開運元年，南唐主議伐閩。侍中李松不可也。李松吾山之左。航海南來，避難于此。其子李富安，字山平，棄學經商，航舟遠涉真臘、占城、暹羅灣諸國。安南、交趾尤熟。每次舟行，村里咸偕之去。少子李公素，北宋時被推薦，建立安南九世王朝。李家港乃李山平之舟泊處也。⁽¹⁸⁾

Những sử liệu quan trọng nhất trong nhóm này là *Tốc thủy ký văn* của Tư Mã Quang, *Mộng Khê bút đàm* của Thẩm Quát và trong một chừng mực nào đó, là *Lý trang Chủ Nội Lý thị phòng phả*. Các sử liệu đời sau chủ yếu căn cứ trên những tư liệu của Tư Mã Quang và Thẩm Quát. *Lý trang Chủ Nội Lý thị phòng phả* mới được phát hiện gần đây, là một sử liệu có nhiều điểm nghi vấn. Do sử liệu này được nhiều nhà nghiên cứu chú ý thời gian gần đây nên chúng tôi cũng dành không gian để thảo luận về nó.

Trong số nhóm sử liệu về nguồn gốc Mân của Lý Công Uẩn nêu trên, chúng tôi đặc biệt chú ý đến những sử liệu do Tư Mã Quang, Thẩm Quát và Lý Đảo viết. Chúng tôi cho rằng, Lý Công Uẩn bản thân tự nhận là An Nam Tĩnh Hải quân quyền lưu hậu, tức coi mình như một viên quan nhiếp quản quyền Tiết độ sứ của nhà Tống, sau lại được nhà Tống chấp nhận coi như một Tiết độ sứ chính thức, đứng chân vào hàng ngũ quan lại cấp cao, thì triều đình nhà Tống phải có những thông tin cơ bản về Lý Công Uẩn. Với tư cách là những sử gia và là những quan lại cấp cao của nhà nước, lại là người đương - cận thời thì những ghi chép của họ về Lý Công Uẩn tỏ ra có sức thuyết phục! Nhóm tư liệu về nguồn gốc Mân của Lý Công Uẩn được nhắc đến ở trên đáng chú ý là ở thời điểm xuất hiện gần nhất với sự kiện và các nhân vật cũng cho thấy sự thống nhất và độ tập trung thông tin của chúng.

2. Nhóm sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người Giao Châu

2.1. *An Nam chí lược* 安南志略 của Lê Tắc 黎𤵑 (trong khoảng 1260-1340) [黎𤵑: 2000, "Tiền ngôn": 1], hình thành văn bản khoảng thập niên 30 của thế kỷ XIV. Lê Tắc vốn là người Ai Châu, theo Trần Kiên 陳鍵 chạy sang Nguyên năm 1285 [黎𤵑: 2000, "Tiền ngôn": 1] và ở lại đây làm bề tôi của nhà Nguyên.

Căn cứ trên việc xác định niên đại bài tựa của Lê Tắc cho sách và cho rằng niên đại của bài tựa này bị chép nhầm những hai chỗ từ “Nguyên Thống sơ nguyên Ất Mão” thành “Nguyên Thống sơ tam Ất Hợi”, Trần Kinh Hòa cho rằng thời gian Lê Tắc cho ấn hành *An Nam chí lược* là sau năm 1339 và có lẽ là vào năm Chí Nguyên thứ 6 (1340). Sự nhầm lẫn này chỉ có thể xảy ra trong trường hợp văn bản đã trải qua nhiều lần sửa đổi đến mức biến dạng (theo Giáo sư Trần Kinh Hòa thì phải có ít nhất hai lần nhầm lẫn liên tiếp, nhầm lần 1 là khả năng nên nó là giả thiết, nhầm lần 2 cũng là khả năng nên nó cũng có tính giả thiết).⁽¹⁹⁾ Dựa vào hai giả thuyết không chắc chắn để đưa ra những lập luận logic để đưa đến những kết quả chắc chắn sẽ **có thể** (lại có tính giả thiết) chỉ là những sai lầm tiếp nối những sai lầm. Những thành tố về năm tháng là những thành tố dễ bị sai nhầm nhất, vậy nên lúc này cần phải dựa vào những thành tố ít có khả năng sai hơn như nội dung tự sự chứ không nên vin vào logic với những con số để đưa ra những suy đoán [Trần Kinh Hòa: 2009]. Tại sao không nghĩ những nhầm lẫn đó là do những chỉnh sửa về sau này thông qua trí nhớ của một nhà hiệu chỉnh thư tịch nào đó (chỉ nhầm một lần nhưng kết quả tương đương, nhầm một lần chứ không phải xảy ra thông qua quá trình sao chép), điều này hoàn toàn có thể chỉ là một sự vô tình hơn là một sự nhầm lẫn của quá trình thủ sao. Chúng tôi sẽ đặt thời điểm ấn hành *An Nam chí lược* vào trong vòng câu hỏi để ngỏ và chưa xác quyết.

Do chắc chắn về một điểm là sách *An Nam chí lược* được biên soạn và bổ sung trong suốt một thời gian dài, điểm đầu có thể là sau năm 1285 điểm cuối có thể là năm 1340, năm theo Trần Kinh Hòa là năm bản in đầu tiên cho *An Nam chí lược* ra đời [Trần Kinh Hòa, 2009: 28]. Văn bản này được định hình trong một thời gian dài, theo những bài tựa hiện còn của Lưu Tất Đại 劉必大, Triệu Thu 趙沔, Trình Cự Phu 程鉅夫, những dạng thức đầu tiên của *An Nam chí lược* đã xuất hiện ngay từ thập niên đầu tiên của thế kỷ XIII. Những tri thức của *An Nam chí lược* viết về Lý Công Uẩn có lẽ cũng đã được định hình vào khoảng thời gian này.

Nội dung *An Nam chí lược*, phần “Lý thị thế gia” 李氏世家⁽²⁰⁾ viết: “Lý Công Uẩn, người Giao Châu (có người nói là người Mân, không phải). Có tài thao lược. Lê Chí Trung dùng làm đại tướng, rất thân tín. Năm Canh Tuất, năm thứ 3 niên hiệu Đại Trung Tường Phù, Chí Trung chết, con còn nhỏ, em là Minh Sưởng tranh lên ngôi; Công Uẩn đánh đuổi và giết đi, tự lĩnh các công việc của Giao Châu, xưng là An Nam Tĩnh Hải quân quyền lưu hậu”.⁽²¹⁾

李氏世家. 李公蘊, 交州人. 或謂閩人, 非也⁽²²⁾. 有韜略. 黎至忠用為大將, 親信之. 大中祥符三年庚戌, 至忠薨. 子幼. 弟明昶爭立. 公蘊逐而殺之. 自領交州事, 稱安南靜海軍權留後 [Lê Tắc 黎崱, 2000: 294].

Ở một đoạn khác, khi viết về các quận huyện của An Nam, đến lộ Đại La Thành 大羅城路 ông viết: “Đời vua Tống Chân Tông, người trong quận là Lý Công Uẩn đã kiến quốc ở đây” 宋真宗時, 郡人李公蘊於此建國 [Lê Tắc 黎崱, 2000: 17]. “Quận” trong cụm “người trong quận” là quận nào trong số ba quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam thì Lê Tắc không nói rõ và có lẽ cũng không biết.

Đây là tư liệu sớm nhất hiện còn với niên đại khá rõ ràng và xác tín, ghi nhận Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ.

2.2. Nhóm tác phẩm *Đại Việt sử ký* 大越史記 của Lê Văn Hưu 黎文休, *Đại Việt sử ký toàn thư* 大越史記全書 của Ngô Sĩ Liên 吳士連 và *Việt sử lược* 越史略 của một tác giả khuyết danh. Nhóm sử liệu này có mối quan hệ mật thiết với nhau nên chúng tôi gộp chung lại làm một.

a. Đến năm 1479, Ngô Sĩ Liên biên soạn xong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* 15 quyển trên cơ sở “lấy hai bộ sách của tiên hiền ra, hiệu chính biên soạn lại, thêm vào một quyển Ngoại kỷ” (Quyển Thủ, Tựa của Ngô Sĩ Liên, 2a).⁽²³⁾ Hai vị tiên hiền mà Ngô Sĩ Liên đề cập đến ở đây là Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên 潘孚先. Theo khảo cứu của Phan Huy Lê, tổng cộng Lê Văn Hưu đã được trích dẫn tất cả 30 lần trong *Đại Việt sử ký toàn thư* [Phan Huy Lê, 2011: 128], còn Phan Phu Tiên được trích dẫn 11 lần [Phan Huy Lê, 2011: 129]. Bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư* viết về Lý Công Uẩn với những dòng văn nhuộm màu thần thoại như sau:

“Thái Tổ họ Lý, tên húy là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp, Bắc Giang. Mẹ là người họ Phạm, đi chơi chùa Tiêu Sơn cùng với người thần giao hợp rồi có cháu, sinh vua ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình năm thứ 5 thời Đinh (974). Lớn lên làm quan nhà Lê, thăng đến chức Điện tiền chỉ huy sứ”.

太祖皇帝, 姓李, 諱公蘊, 北江古法州人也. 其母范氏逍遙遊蕉山寺, 與神人交因而有娠. 以丁太平五年甲戌二月十二日誕生. 及長仕黎, 累官至殿前指揮使. [Trần Kinh Hòa 陳荊和, 1983: 207].

b. *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu (1230-1322)⁽²⁴⁾ được biên soạn khoảng năm Nhâm Thân, niên hiệu Thiệu Long thứ 15 (1272) [Trần Kinh Hòa 陳荊和, 1983: 348].

Tác phẩm này của Lê Văn Hưu hiện đã thất truyền. Song, thông qua *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng ta ngày nay có thể biết được *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu cũng có những nội dung liên quan đến thân thế của Lý Công Uẩn. *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại những nhận xét của Lê Văn Hưu về việc Lý Công Uẩn truy phong tôn hiệu cho cha mình:

“Truy phong cha là Hiến Khánh Vương, mẹ là Minh Đức Thái hậu.

Lê Văn Hưu nói: Nhà Chu dấy nghiệp vương, truy phong là Thái Vương, Vương Quý, nhà Tống xưng đế truy phong là Hi Tổ, Dực Tổ, là theo nghĩa cha vì con mà được tôn quý. Lý Thái Tổ ta đã xưng đế mà truy phong cha là Hiến Khánh Vương, bấy giờ lễ quan không biết cái chính, thế là tự hạ thấp mình vậy”.

追封父曰: 顯慶王, 母曰: 明德太后.

黎文休曰: 有周興王, 其追封則曰: 大王、王季. 大宋稱帝, 其追封則曰: 僖祖、翼祖. 蓋父爲子貴之義. 我李太祖既稱帝, 而追封其父曰: 顯慶王, 當時禮官不能正之, 所謂自卑矣. [Trần Kinh Hòa 陳荊和, 1983: 203].

Trong số hơn 30 trích dẫn Lê Văn Hưu trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, chúng ta nhận thấy hề gặp những điểm nào mà sử cũ của Lê Văn Hưu chép không giống như những gì mà Ngô Sĩ Liên sở kiến, sở văn thì sử gia họ Ngô đều ghi chú khá rõ ràng. Những ghi chép của Ngô Sĩ Liên về Lý Công Uẩn lại phù hợp với nội dung bình luận của Lê Văn Hưu, vậy nên chúng tôi có thể xếp Lê Văn Hưu vào nhóm những người ủng hộ quan điểm về nguồn gốc châu Cổ Pháp, Bắc Giang của Lý Công Uẩn.

c. *Việt sử lược* là một tác phẩm khuyết danh,⁽²⁵⁾ xuất hiện khá tình cờ, đột ngột và vẫn còn nghi vấn.⁽²⁶⁾ Quan điểm của chúng tôi về thời điểm ra đời của bộ sách này như sau. Dựa trên những điểm giống nhau giữa *Việt sử lược* và *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, cộng với một loạt những dấu hiệu khác như: tồn tại một phụ lục “Phụ Trần triều kỷ niên” 附陳朝紀年,⁽²⁷⁾ người biên chép đã chép “Lý kỷ” 李紀 thành “Nguyễn kỷ” 阮紀, hiện trạng thiếu những thông tin thuyết phục cho sự ra đời của *Việt sử lược* vào đời Lý, những thông tin của bộ sách này dừng lại ở đời Trần... chúng tôi có thể đưa ra nghi ngờ rằng dường như bộ sách này được biên soạn với mục đích chỉ ra nó là một quyển sách đáng tin có niên đại rất sớm đời Trần. Trần Quốc Vượng cho rằng đây là tác phẩm tóm tắt lại nội dung của *Đại Việt sử ký*, và đồng thời ông đẩy niên đại biên soạn bộ sử này vào cuối đời Trần. Hiện nay, trong điều kiện tư liệu chưa cho phép để đưa ra một kết luận chuẩn xác hơn về thời điểm mà bộ sách này ra đời, chúng tôi có thể tạm thừa nhận khoảng thời gian mà bộ sách ra đời là sau khi bộ *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu ra đời (1272) đến năm Xương Phù nguyên niên (1377), năm Đinh Tỵ.

Việt sử lược viết về Lý Công Uẩn như sau: “Thái Tổ. Tên húy là Uẩn, họ Nguyễn. Người Cổ Pháp, Bắc Giang. Mẹ họ Phạm. Sinh ngày 17 tháng 2 năm Thái Bình thứ 5. Thừa nhỏ thông minh sâu sắc, phong độ đáng vẻ rộng rãi, du học⁽²⁸⁾ ở chùa Lục Tổ.”

太祖. 諱蘊, 姓阮氏. 北江, 古法人也. 母范氏. 以太平五年二月十七日生. 幼而聰睿, 器宇恢豁, 遊學於六祖寺. 僧萬行見而異之, 曰: 此非常人也. [錢熙祚 編輯, 1889, quyển 2: 1a].

2.3. *Thiên uyển tập anh* 禪苑集英, sản phẩm của một tập thể tác giả khuyết danh. Hiện người ta còn chưa rõ ràng về nguồn gốc cũng như niên đại ra đời của tác phẩm này, chỉ có thể ước lượng một cách đại khái về niên đại ra

đời khoảng từ thế kỷ thứ 14.⁽²⁹⁾ Phải thừa nhận rằng những thông tin của tác phẩm này được bổ sung và can thiệp liên tục trong nhiều thế kỷ, khó bóc tách được một cách rõ ràng. **Có thể không đưa *Thiên uyển tập anh* vào xét ở đây như là một trong những tư liệu liên quan đến nguyên quán của Lý Công Uẩn, bởi nó không cho ta thông tin nào xung quanh vấn đề này.** Song trong một thời gian dài, giới nghiên cứu như đã nói có một thói quen đồng nhất ba thông tin: nguyên quán, quê hương và về đất đặt lăng mộ với nhau nên tư liệu này được rất nhiều nhà nghiên cứu sử dụng để nêu ra nhiều giả thuyết về nguyên quán Lý Công Uẩn. *Thiên uyển tập anh* có nhiều đoạn có liên quan đến thân thế của Lý Công Uẩn như những lời sấm vĩ dự cảm về sự lên ngôi của Lý Công Uẩn, những thông tin liên quan đến sự nổi lên của nhà Lý, khu vực an táng thi hài cha của Lý Công Uẩn. Được chú ý nhất trong những nội dung này là bốn bài thơ “thần” vang lên quanh ngôi mộ của Hiển Khánh Vương, nhiều khi được sử dụng để chứng minh cho nguyên quán của Lý Công Uẩn. Cách thức đặt vấn đề như vậy không logic và gây hiểu nhầm.

2.4. Nhóm sử liệu hậu kỳ: Với những nhóm sử liệu có tính chất kế thừa từ những sử liệu có sẵn mà không có thêm tư liệu mới, chúng tôi làm theo cách mà Hà Văn Tấn đã làm khi xem xét trường hợp *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*: “Nếu chúng ta có trong tay các thư tịch Trung Quốc và *Đại Việt sử ký toàn thư* thì có thể không cần dùng đến *Cương mục*, một bộ sử xuất hiện muộn, để nghiên cứu cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỷ XIII” [Hà Văn Tấn, 2008: 173]. Vậy nên, với những sử liệu ra đời muộn về sau này, nếu không có thêm thông tin gì đáng bàn, chúng tôi chủ trương sẽ chỉ tiến hành lược thuật.

a. *An Nam chí* 安南志⁽³⁰⁾ hiện vẫn được thừa nhận là của Cao Hùng Trưng 高熊徵 (1636-1706) người sống vào khoảng cuối Minh đầu Thanh. *An Nam chí* viết lại những gì đã được viết trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, cho rằng Lý Công Uẩn là người Cổ Pháp, Bắc Giang.

b. *Đại Việt sử ký tiền biên* 大越史記前編 do Ngô Thời Sĩ 吳時仕, Lê Tung 黎嵩 biên soạn vào cuối thế kỷ 18, và được khắc in lần đầu vào năm 1800 dưới triều Tây Sơn. Sách chép lịch sử từ Hồng Bàng đến hết thời thuộc Minh, chia thành 2 phần: Ngoại kỷ từ Hồng Bàng đến Ngô sứ quân gồm 7 quyển; Bản kỷ từ nhà Đinh đến hết thời thuộc Minh, gồm 10 quyển. Việc đặt lại lịch sử của thời Tiền biên trong khi đã có *Đại Việt sử ký toàn thư* chắc chắn là có những ý tưởng nhất định về mặt chính trị song về những tư liệu mà Ngô Thời Sĩ sử dụng và những gì ông viết cũng không phong phú hơn Ngô Sĩ Liên khi viết *Đại Việt sử ký toàn thư* là bao nhiêu. Ngô Thời Sĩ đưa ra những bình luận của ông về những nội dung liên quan đến nguồn gốc của Lý Công Uẩn như sau:

- Đoạn 1: “Thế là cha vua thực chưa rõ là ai. Xem ở năm Thuận Thiên thứ 9 (1018), vua truy phong tiên tổ tể làm hậu và đặt tên thụy mà không nói đến tiên tổ khảo. Như vậy thì tiên tổ tể là mẹ của Thái hậu mới thực là bà tổ sinh ra họ Lý. Nhưng mẫu hậu là người không thể đứng chủ tôn miếu được. Châm chương, cân nhắc thì Lý Thái Tổ phải là ông tổ vĩnh viễn cho tôn miếu họ Lý, mà tôn thờ Thái hậu riêng một miếu khác là hợp lệ hơn, còn như cha nuôi là Lý Khánh Văn⁽³¹⁾ và bà ngoại họ Phạm thì nên ưu đãi bằng cách phong tước vị, cho lập miếu thờ. Tiếc rằng các bề tôi lúc bấy giờ không ai biết tâu bày với vua những điều ấy, đến khi truy tôn cha làm vương, mẹ làm hậu mà không nói rõ cha đẻ hay cha nuôi. Nếu

coi Hiến Khánh là hư vị thì là thất lễ và tự dối mình, nếu Hiến Khánh là Khánh Văn thì là thất lễ và nhầm nhí. Hai việc làm trái lễ đó ắt phạm phải một điều, có đáng bàn luận gì về sự tự ti mà còn đem so sánh với nhà Chu nhà Tống”.

- Đoạn 2: “Mùa xuân, tháng 2, vua về châu Cổ Pháp bái yết lăng Thái hậu, cho các bộ lão trong làng tiền và lụa theo thứ bậc khác nhau (vua bái yết lăng, nhìn quanh cây cối sum suê, các bầy chim liệng quanh rồi đậu xuống, trong lòng cảm thấy thương xót, nghẹn ngào không tả xiết. Lòng thương xót cảm động đến cả người xung quanh. Vua liền sai hữu tư đến đó đo lấy vài chục dặm cạnh lăng để làm nơi đất cấm của Sơn Lăng, các triều vua sau đưa về táng ở xứ ấy, đều gọi là Thọ Lăng).⁽³²⁾

c. *Trùng san Hoa Lâm Tam Bảo thị bi tịnh minh* 重刊華林三寶市碑并銘 viết về một số thành viên trong gia đình Lý Công Uẩn. Giá trị của tấm bia thể hiện ở chỗ nó được viết từ năm 1656 (tức là năm Thịnh Đức thứ 4) bởi những người đều đã hoặc đang thuộc bộ máy của triều đình phong kiến lúc bấy giờ và có tri thức lịch sử. Ký hiệu của bia Hoa Lâm là 02986, hiện đang lưu trữ ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tấm bia cho biết: “Khu chợ thuộc hàng di tích lịch sử mang tên Hoa Lâm này nằm trên quê hương nổi tiếng của ông bà nội thánh thiện⁽³³⁾ của triều nhà Lý trước đây.⁽³⁴⁾ Lăng miếu của bố và mẹ ngài tại phía đông chợ. Chùa Trinh Tiết ở phía tây của chợ”. Chúng tôi băn khoăn tư liệu xuất hiện với niên đại **rất muộn** này đã căn cứ vào đâu để biết rằng lăng mộ của ông bà nội Lý Công Uẩn, lăng miếu của bố và mẹ của Lý Công Uẩn nằm ở “phía đông của chợ”? khi ngay cả những sử gia đương thời Lý Công Uẩn cùng rất nhiều tư liệu với niên đại sớm hơn, nguồn thông tin đáng tin cậy hơn (như chúng tôi đã trình bày trên kia) cũng không thể biết được. Với những nguồn sử liệu mà ta không thể tìm được bất kỳ căn cứ nào có thể kiểm chứng được thì sử liệu đó không đáng tin. Sử liệu này, theo chúng tôi, có nguồn gốc dân gian, ông bà nội của Lý Công Uẩn có được gọi là “ông bà nội thánh thiện”, lăng miếu của bố và mẹ của Lý Công Uẩn nằm ở phía đông của chợ Tam Bảo, Hoa Lâm vậy thì hiện nay khu lăng miếu ấy đâu? Thực tế cho thấy, việc phát hiện ra hệ thống lan can sáu đá ở khu vực này không đủ để chứng minh đây là khu vực đã từng đặt lăng mộ của hoàng tộc nhà Lý được. Có sử liệu nào ghi chép giống như tấm bia này không, đây có lẽ là một tấm bia sử liệu, hình thành từ trí tưởng tượng phong phú của dân gian hơn là một sử liệu nghiêm túc.

d. *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌 do Phan Huy Chú 潘輝注 (1782-1840) soạn trong vòng 10 năm (1809-1819) và dâng lên vua Minh Mệnh vào năm 1821:

“Họ Lý, tên là Công Uẩn, người châu Cổ Pháp, thuộc đạo Bắc Giang. Mẹ là họ Phạm có mang, đẻ ông ở chùa Tiêu Sơn. Khi lên ba tuổi mẹ ẵm đến nhà Lý Khánh Văn⁽³⁵⁾ ở chùa Cổ Pháp. Khánh Văn nuôi làm con. Khi ông còn bé, sáng suốt tinh khôn, phong tư tuấn tú khác thường. Sư Vạn Hạnh trông thấy biết ông là người sẽ làm sự nghiệp to và nói rằng: “Người này không phải người thường, lớn lên tất làm vua giỏi một nước”. (Nhân vật chí - *Lịch triều hiến chương loại chí*).

e. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* 欽定越史通鑑綱目 là bộ chính sử của nhà Nguyễn do Quốc Sử Quán triều Nguyễn soạn thảo vào khoảng năm 1856-1884:

“Công Uẩn, người Cổ Pháp, Bắc Giang. Sinh ra đã thông minh sâu sắc, dung mạo đẹp đẽ khác thường, khi nhỏ thường thụ nghiệp với sư Vạn Hạnh. Vạn Hạnh thấy rất lạ mới nói rằng: đây không phải người thường, ngày sau tất sẽ làm chủ thiên hạ”.

公蘊, 北江古法人。生而聰睿, 姿表秀異, 幼常受業於僧萬行。萬行異之曰: 此非常人, 他日必爲天下主。[Phan Thanh Giản, Phạm Xuân Quế 潘清簡、范春桂, XIX, Chính biên, quyển 2: 4a].

f. *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志 do Quốc Sử Quán triều Nguyễn thời vua Tự Đức biên soạn, gồm 28 tập với 31 quyển, điểm mốc bắt đầu biên soạn là năm 1861 kéo dài đến năm 1889 thì đã tương đối định hình văn bản như ngày nay. Sách này không có gì đặc biệt ngoài việc nhắc lại địa danh hành chính được cho là quê hương của Lý Công Uẩn: châu Cổ Pháp.

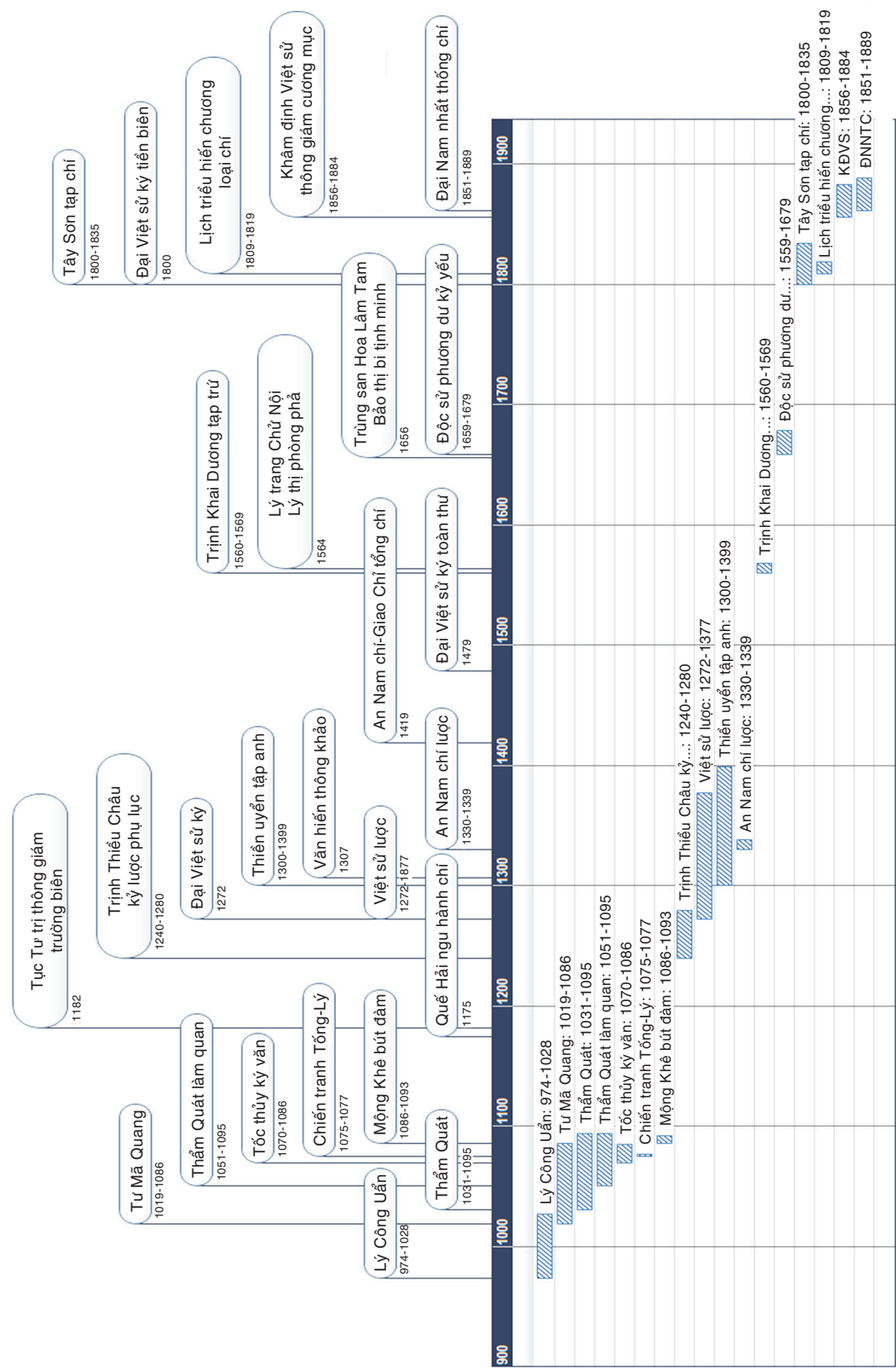
*

* *

Thông qua việc điểm lại và phân nhóm các sử liệu liên quan đến nguồn gốc của Lý Công Uẩn, chúng ta có được một số kết luận như sau:

- Sử liệu liên quan đến nguồn gốc của Lý Công Uẩn chia làm hai nhóm rõ rệt. Sử liệu cho biết Lý Công Uẩn là người đất Mân (Phúc Kiến, Trung Hoa) và sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ. Nhóm sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người đất Mân là những sử liệu gần như đương thời với Lý Công Uẩn, do những sử gia như Thẩm Quát, Tư Mã Quang, Lý Đạo viết. Những sử liệu loại này đồng thời cũng là những sử liệu sớm nhất viết về nhà Lý và nguồn gốc Lý Công Uẩn. Sử liệu sớm nhất viết về nguồn gốc Mân của Lý Công Uẩn là *Tốc thủy ký văn* của Tư Mã Quang và *Mộng Khê bút đàm* của Thẩm Quát được viết ngay trong cuộc chiến tranh Tống-Lý (1075-1077) và viết sau khi Lý Công Uẩn mất khoảng gần 50 năm. Cá biệt như trường hợp sử gia nổi tiếng Tư Mã Quang, ông sinh kém Lý Công Uẩn nhiều tuổi, khi ông lên 10 tuổi thì Lý Công Uẩn mất. Bản thân ông là quan đại thần đứng hàng đầu trong số quan lại triều đình nhà Tống, là người chứng kiến và tiếp xúc với những nhân vật trung tâm của cuộc chiến tranh Tống-Lý, lại là một sử gia đầy uy tín, có tầm ảnh hưởng ở khu vực Đông Á, những ý kiến của ông khó có thể bỏ qua.

Những sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ thông thường là do những sử gia bản địa biên chép lại với độ giãn cách cao so với sự kiện. Sử liệu sớm nhất, có thời điểm ra đời tương đối rõ ràng như *An Nam chí lược* của Lê Tắc lại được viết sau cái chết của Lý Công Uẩn **gần 300 năm**, cách sự kiện chiến tranh Tống-Lý gần **250 năm** trong một điều kiện hết sức thiếu thốn về tư liệu. Còn sử liệu được kỳ vọng là sẽ ủng hộ quan điểm Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ là *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu cũng được biên soạn sau cái chết của Lý Công Uẩn đến **245 năm** (thực tế chúng ta không biết bộ sử này có ủng hộ quan điểm đó hay không, còn bộ sử chịu ảnh hưởng từ nó là *Việt sử lược* chắc chắn là được biên soạn khá lâu sau khi *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu ra đời), sử liệu hay được viện dẫn nhất ủng hộ quan điểm Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ là *Đại Việt sử ký toàn thư* được biên soạn cách cái chết của Lý Công Uẩn khoảng **450 năm**! (Xin xem “Bảng tổng hợp sử liệu, sự kiện, nhân vật”).



BẢNG TỔNG HỢP SỬ LIỆU, SỰ KIỆN, NHÂN VẬT LIÊN QUAN ĐẾN NGUYÊN QUẢN LÝ CÔNG UẨN

- Những tư liệu đầu tiên viết về quê hương Lý Công Uẩn hiện nay chúng ta được biết (và có lẽ là rất nhiều năm sau này nữa cũng khó có tư liệu nào sớm hơn được) là những ghi chép của Tư Mã Quang và Thẩm Quát, những người trực tiếp trải qua những sự kiện của cuộc chiến tranh Tống-Lý. Nếu muốn phủ định quan niệm cho rằng Lý Công Uẩn không phải là người gốc Mân thì trước tiên phải phủ định được hai tư liệu này và điều này là khó khả thi ở thời điểm hiện tại.

Điểm mấu chốt nhất trong những sử liệu viết về nguồn gốc Mân của vua Lý là chứng minh sự tồn tại của Từ Bá Tường và bức thư mà Từ Bá Tường gửi cho vua Lý, đồng thời cần xét đến nguồn thông tin của Thẩm Quát, những thông tin về mối quan hệ giữa những người đất Mân với vương triều nhà Lý. Những thông tin này được ghi chép lại trong *Tốc thủy ký văn* và *Tục Tư trị thông giám trường biên*. Nếu muốn gạt bỏ những thông tin liên quan đến nguồn gốc Mân của vua Lý, bắt buộc phải bác bỏ được hai tư liệu này.

- Những sử liệu khẳng định nguồn gốc Giao Chỉ của Lý Công Uẩn thể hiện sự nhiễu loạn thông tin trong nhiều trường hợp, lẫn lộn rất nhiều những yếu tố linh dị và truyền thuyết như một biểu hiện của sự thiếu thốn thông tin. Thông tin trong nhóm sử liệu này thường có xu hướng đồng nhất ba thông tin về nguyên quán (nơi được xét đến như là nơi tổ tiên Lý Công Uẩn phát tích), về quê hương (nơi Lý Công Uẩn gắn bó cuộc đời và thừa nhận là quê nhà của mình) và về đất đặt lăng mộ (nơi Lý Công Uẩn chọn làm nơi an táng của bản thân và con cháu đời sau) với nhau. Chúng tôi qua quá trình phân tích và phê phán các nguồn sử liệu nói về nguồn gốc của Lý Công Uẩn nhận thấy tính chất thống nhất của nhóm sử liệu về nguồn gốc Mân của ông.^(*)

N P A

CHÚ THÍCH

- (1) Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh. *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1991, tr. 266 (GS Phạm Lê Huy đã gợi ý và giúp đỡ tư liệu).
- (2) Ngoài ra, có thể nói đến những bàn luận hữu quan gần đây như của Trần Viết Điền, Nguyễn Hùng Vĩ, Liam Kelly xuất hiện chủ yếu trên mạng toàn cầu nên không thể trích dẫn một cách ổn định. Chúng tôi đều đã đọc những bình luận này và sẽ có những đề xuất trong khả năng có thể.
- (3) *Đại Việt sử ký toàn thư* (chú thích của Nguyễn Phúc Anh).
- (4) *Việt sử lược* (chú thích của Nguyễn Phúc Anh).
- (5) Về mặt tác giả, *Tốc thủy ký văn* đã từng bị chính Tư Mã Cấp 司馬伋 là cháu của Tư Mã Quang bác bỏ, ông ta cho rằng đây không phải là tác phẩm của ông nội mình. Tư Mã Cấp không đưa ra lý do nào chính đáng về chuyện này nhưng không khó để nhận ra nguyên nhân mà Tư Mã Cấp tìm cách phủ định quyển *Ký văn* của ông nội. Theo *Tống sử*, quyển 473, Tần Cối truyện 秦檜傳 có viết: năm Thiệu Hưng thứ 15 (1145), Tần Cối trước cấm những tác phẩm sử do tư nhân biên soạn (tư sử 私史). Tháng 7 năm đó có trả lời vua rằng: “Tư sử làm hại đến chính đạo”. Lúc ấy, Tư Mã Cấp liền nói ngay rằng *Tốc thủy ký văn* không phải là do ông nội mình là Tư Mã Quang biên soạn. Sách *Kiến Viêm dĩ lai hệ niên yếu lục* 建炎以來繫年要錄, ngày Bính Ngọ, tháng 7 năm Thiệu Hưng thứ 15 có viết: Tần Cối nhiều lần xin cấm dã sử, Tư Mã Cấp sợ tội, mới phủ định quyển sách đó, nhưng sách ấy cuối cùng vẫn được lưu hành ở đời.

* Bài viết đã nhận được sự góp ý của những nhà nghiên cứu như: Trần Trọng Dương, Phạm Lê Huy, Nguyễn Tô Lan, Phùng Minh Hiếu, Quách Thu Hiền, Nguyễn Bá Dũng, Trần Ngọc Vương, Nguyễn Duy Chính, Trần Quang Đức. Tác giả xin chân thành cảm ơn. NPA.

- Vậy đây chính là tình hình thực của việc *Tốc thủy ký văn* được tiếp nhận ở Trung Quốc vào thời Nam Tống. Chưa thấy có tư liệu nào khẳng định *Tốc thủy ký văn* là cấm thư, theo nghĩa có một lệnh cấm được ban hành một cách quan phương cả. Đến nay việc Tư Mã Quang là tác giả của *Tốc thủy ký văn* là điều khó phủ định. Những thông tin đầy đủ hơn, xem *Tốc thủy ký văn* do Đặng Quảng Minh 鄧廣銘 và Trương Hy Thanh 張希清 hiệu điểm. [司馬光, 1997: 8-9].
- (6) Vấn đề xác định nguyên quán của Lý Công Uẩn gắn chặt với sự kiện là cuộc chiến tranh Tống-Lý (1075-1077). Cuộc chiến tranh này là lần tiếp xúc chính trị trực tiếp nhất, khốc liệt nhất giữa hai vương triều trong lịch sử. Nhờ những tình tiết liên quan đến cuộc chiến này mà những thông tin về nguyên quán của vua Lý đã đi vào trong sử sách và còn lại đến tận bây giờ. Vậy nên trong suốt bài viết này, cuộc chiến tranh Tống-Lý liên tục được chúng tôi nhắc đến như là một sự kiện then chốt mà những nhân vật lịch sử có liên quan sẽ là những chứng nhân sống động, giúp chúng ta giải quyết vấn đề mà bài viết này đặt ra.
 - (7) Tiến sĩ không phải là một phẩm vị đại khoa trong thi cử nên Từ Bá Tường có lẽ đã phải thi đi thi lại nhiều lần để mong giành đại khoa: Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.
 - (8) Có lẽ Từ Bá Tường là tên của nhân vật này. Ở đây có thể không phải là do Tư Mã Quang nhớ nhầm tên mà là do quá trình truyền bản có nhiều sai dị đã phát sinh: chữ Bách 百 và chữ Bá 伯 tự dạng khá giống nhau. Văn bản *Tốc thủy ký văn* do Lý Đảo trích dẫn vào cuối đời Tống ghi tên của nhân vật này là Từ Bá Tường. Khả năng thứ hai có thể xảy ra ở đây, đó là do thông tin về Từ Bá Tường được ghi chép lại từ lời kể của Quách soái (Quách Quỳ) thế nên trong quá trình ghi chép, nhà chép sử đã nghe nhầm “Bá” thành từ “Bách” do hai chữ này khá gần âm với nhau. Chúng ta có thể thấy sau này khi Lý Đảo chép lại những thông tin của *Tốc thủy ký văn* ông cũng không có chú giải gì về sự nhầm lẫn này. Nếu là khả năng thứ nhất thì có lẽ chữ *Bá* đã bị viết nhầm từ sau thời kỳ của Lý Đảo, còn theo khả năng thứ 2 thì Lý Đảo đã sửa lại cho đúng tên của Từ Bá Tường. Đây là một khác biệt văn bản không ảnh hưởng đến giá trị của sử liệu. Ở đây chúng tôi dịch tôn trọng nguyên bản được lựa chọn sử dụng là bản đời Nguyên của *Tốc thủy ký văn*.
 - (9) Một chức quan chuyên hầu hạ trong cung cấm của nhà Tống, nhưng có lẽ vào đời Tống đây đã là chức quan có chức năng không như tên gọi của chúng.
 - (10) Có lẽ bản của Văn Uyên Các mà chúng tôi sử dụng chép nhầm, ở đây là chữ *nhập* 入 chứ không phải chữ *nhân* 人.
 - (11) *Trịnh Khai Dương tạp trứ* của Trịnh Nhược Tăng đời Minh, hình thành nội dung văn bản khoảng thập niên 60 của thế kỷ XVI.
 - (12) Trịnh Nhược Tăng, ngoài ra, còn cho biết những thông tin về tác giả Trịnh Tung như sau: Ông tên húy là Tung, người Côn Sơn (đồng hương với Trịnh Nhược Tăng) đã từng nắm chức Triều tán đại phu, quản lý ba quận Thái, Thiệu, Thiều. Vào khoảng những năm Cảnh Định (1260-1264) đời Tống, ông phụng sắc chỉ đi kinh lược Quế Lĩnh, và được phong là Côn Sơn khai quốc nam, thực ấp ba trăm hộ. Trước tác của ông có *Tấu nghị*, *Thoái canh tập*, *Ngũ kinh diễn huấn*, *Đế vương thống hệ* hiện vẫn đang được lưu hành” 公諱竦，崑山人，歷仕朝散大夫，知泰、邵、韶三郡。宋景定中，奉敕經畧桂嶺，封崑山開國男，食邑三百戶。著有“奏議”、“退耕集”、“五經衍訓”、“帝王統系”行世。[鄭若曾, 1983: 608]. Những thông tin của Trịnh Nhược Tăng về nhân vật Trịnh Tung là có thể kiểm chứng, trong một số thư tịch khác như *Cô Tô chí* 姑蘇志 của Vương Ngạo 王鏊 có cho biết thêm một số thông tin về nhân vật này như sự tồn tại của một địa điểm là Vườn họ Trịnh (Trịnh Thị Viên 鄭氏園) ở núi Mã Yên 馬鞍山 do Trịnh Tung xây dựng [王鏊, 1983, quyển 32: 598]; đồng thời quyển sách cũng liệt kê tên của Trịnh Tung là một trong số ba người Côn Sơn đã từng được phong tước Nam [王鏊, 1983, quyển 35: 646]. Ngoài trừ những thông tin trên, tiểu sử và hành trạng của Trịnh Tung hiện vẫn chưa rõ ràng.
 - (13) Lấy mốc sớm nhất là 20 năm trước và sau khi Trịnh Tung trở thành Kinh lược của Quế Lĩnh. Năm 1279 nhà Nam Tống sụp đổ.
 - (14) Theo ảnh chụp nguyên bản *Lý trang Chữ Nội Lý thị phòng phả*, Thư viện thành phố Tấn Giang, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, số ký hiệu K820.9/0370211. Bản do Nguyễn Ngọc Phúc cung cấp [Nguyễn Ngọc Phúc, 2011: 140].
 - (15) Nhầm lẫn của *Lý trang Chữ Nội Lý thị phòng phả*. Tấn Cao Tổ là Thạch Kính Đường 石敬瑭. Tấn Xuất Đế 晋出帝 là Thạch Trọng Quý 石重貴.

- (16) Trích dẫn *Lý trang Chủ Nội Lý thị phòng phả* của Lý Thiên Tích chỉ viết: “Sơ nhiệm Lê triều Điện tiền chỉ huy sứ” 初任黎朝殿前指揮使, thiếu mất chữ *tiền* 前 quan trọng giúp xác định niên đại thực của những dòng viết về Lý Công Uẩn [Lý Thiên Tích, 2002: 57].
- (17) Cổ Tổ Vũ năm 29 tuổi (năm Thuận Trị thứ 16) bắt đầu viết bộ sách này, viết trong khoảng 20 năm, song không vừa ý. Ông tiếp tục viết và bổ sung thêm cho bộ sách cho đến ngày ông chết, năm 1692 [顧祖禹, 2005, Tiền ngôn: 1-2].
- (18) Chúng tôi không có nguyên bản của *Tây Sơn tạp chí*, chỉ đối chiếu và trích dẫn theo các nhà nghiên cứu khác [韩振华, 1989: 42-43; Nguyễn Ngọc Phúc, 2011: 138].
- (19) Các văn bản khác nhau của *An Nam chí lược* đều khá thống nhất trong niên đại bài tựa, như vậy khả năng nhầm lẫn trong sao chép cũng có thể phát sinh song không dễ dàng đến mức nhầm lẫn hai lần như vậy.
- (20) Cách viết tiểu truyện của Lê Tắc phỏng theo thể kỷ truyện của Tư Mã Thiên trong *Sử ký*. Không sắp thành Bản kỷ vì thân phận của vương triều Lý là một vương triều chư hầu, lệ thuộc vào triều đình nhà Tống và phải chịu nạp cống.
- (21) Việc xưng là lưu hậu 留後 là có chủ đích. Theo quán lệ từ đời Đường thì những Tiết độ sứ khi chết đi, triều đình chưa kịp phong cho người kế vị thì người kế vị xưng là “lưu hậu” để chờ được gia phong. Cũng có khi tướng lĩnh phản chủ để cướp đoạt quân quyền cũng tự xưng là lưu hậu, sau cũng được triều đình gia phong chính thức [罗竹风 主编, 1994, vol. 7: 1329].
- (22) Dòng “hoặc vị Mân nhân, phi dã” 或謂閩人, 非也 được đưa vào dưới dạng lưỡng cước chú.
- (23) Quyển Ngoại kỷ đó chủ yếu ghi chép về Triệu Đà trở về trước (tức phần từ họ Hồng Bàng cho đến hết đời An Dương Vương. Cơ sở tư liệu và phương pháp biên soạn được Ngô Sĩ Liên nói đến như sau: “Những việc chép trong Ngoại kỷ là gốc ở dã sử, những việc quá quái đản thì bỏ đi không chép” - Quyển Thủ, Phạm lệ điều 4, 2a). Đây chính là lúc huyền thoại về Hùng Vương đã được đưa vào trong chính sử (Phan Huy Lê rất đúng khi cho rằng: Với phần bổ sung này, thời đại mở nước còn mang tính chất nửa huyền thoại nửa lịch sử bao gồm các đời Kinh Dương Vương - Lạc Long Quân - Hùng Vương - An Dương Vương [Phan Huy Lê, 2011: 132]).
- (24) Năm sinh và năm mất của Lê Văn Hưu, theo Phan Huy Lê [Phan Huy Lê, 2011: 119].
- (25) Trần Bá Chí cho rằng đây là tác phẩm của Sử Hi Nhan, chúng tôi nghĩ rằng những điều Trần Bá Chí nói cần phải xem xét lại vì đặc trưng của loại hình gia phả thường hay phóng đại quá đáng, cũng như nhận về cả những gì không thuộc về tiên thế, tổ tông họ. Nếu không có hỗ trợ của một nguồn sử liệu nào đó thì ký ức của dòng họ chỉ cần vài ba đời là bắt đầu nhầm lẫn. Xem Trần Bá Chí, “Sử Hi Nhan và Sử Đức Huy, hai nhân vật lịch sử thời Trần”, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 6, tháng 11 năm 1979. Một nguyên tắc trong việc phê phán sử liệu là chúng ta cần phải đặt câu hỏi với những nguồn sử liệu không có một căn cứ nào rõ ràng, cũng không rõ về nguồn cung cấp thông tin của sử liệu. Vì vậy chúng ta nhận thấy không thể kiểm chứng nguồn thông tin của gia phả này có độ chuẩn xác đến đâu.
- (26) Bộ sách này đã được dâng lên cho vua Càn Long ngự lãm, đây chính là một trong số 175 bộ sách mà Tuần phủ Sơn Đông 山東巡撫 sưu tầm và dâng tiến [纪昀, 2000: 1796] cho vua Càn Long vào đợt dâng tiến sách thứ nhất (đợt 2 dâng tiến 192 bộ sách) [吴慰祖 校订, 1960: 149]. Thời gian gấp gáp cũng như số lượng lớn những sách được lựa chọn dâng tiến Càn Long khiến cho khó có thể nghi ngờ rằng *Việt sử lược* được biên soạn ra nhằm mục đích kiếm cầu danh lợi. Không ai rõ lai lịch của nó cũng như vì lý do gì mà bộ sách này đến được tay người dâng nó lên vua Càn Long. Càng không rõ trong số 175 bộ sách được tỉnh Sơn Đông dâng tiến lên, có bao nhiêu quyển sách có nguồn gốc xuất xứ không rõ ràng, có bao nhiêu quyển sách là “sách cổ”, bao nhiêu quyển sách tồn tại ở dạng chép tay. Chỉ biết rằng bộ sách sau này được lựa chọn và đưa vào *Tứ khố toàn thư*. Tiền Hi Tộ 錢熙祚 đã đưa bộ sách này vào trong *Thủ Sơn các tùng thư* 守山閣叢書 của ông [錢熙祚 编辑, 1889].
- (27) Không có cơ sở nào để khẳng định phần phụ lục “Phụ Trần triều kỷ niên” này được bổ sung vào thời kỳ sau.
- (28) Chỉ việc rời xa quê hương di học.
- (29) Xem Lê Mạnh Thát, *Nghiên cứu Thiển uyển tập anh*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

- (30) Quyển sách này còn được biết dưới tên *An Nam chí nguyên* 安南志原, nhưng đây là một nhầm lẫn của những nhà nghiên cứu người Pháp. Theo Trương Tú Dân, tên sách ban đầu phải là *Giao Chỉ tổng chí* 交趾總志 và Cao Hùng Trưng chỉ là người đóng vai trò đề tựa cho sách mà thôi. Trương Tú Dân cho rằng bộ sách này được viết vào khoảng đời Minh, ước tính hình thành văn bản vào khoảng năm 1419 [张秀民, 1996].
- (31) Đến Ngô Thời Sĩ thì việc gán ghép họ Lý cho Khánh Văn mới bắt đầu được ghi chép lại.
- (32) Đúng như Nguyễn Hùng Vĩ nói, những đoạn văn này của Ngô Thời Sĩ mang âm hưởng từ truyền thuyết dân gian [Nguyễn Hùng Vĩ, 2011: 72].
- (33) “Thánh Thiện” hay là “thánh thiện”? Chúng tôi cho rằng chỗ này phải là “thánh thiện” vì không ai đặt tên thụ như thế cho cha mẹ một ông vua, cách hành văn như vậy cũng không có khả năng thánh thiện là tên người.
- (34) Ở đây câu văn có thể dịch *Tiền Lý triều* là “triều Tiền Lý”, hay “triều nhà Lý trước đây”. Thực tế các tác giả muốn nói đến triều Lý của Lý Bôn hay triều Lý của Lý Công Uẩn? Thông tin trong bia cũng không rõ ràng. Nếu nói đây là Lý Công Uẩn vì Lý Bôn theo *Đại Việt sử ký toàn thư* là người Thái Bình thì hoàn toàn có thể thắc mắc ngược lại đây là Lý Bôn chứ không phải Lý Công Uẩn vì theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Lý Công Uẩn và lăng mộ nhà Lý nằm ở khu vực nay là tỉnh Bắc Ninh.
- (35) Vào thời của Phan Huy Chú sự gán ghép họ Lý cho Khánh Văn đã trở nên phổ biến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. 中国大百科全书总编辑委员会“中国历史”编辑委员会 (1992), 中国大百科全书 中国历史 北京: 中国大百科全书出版社.
2. 罗竹风 主编 (1994), 汉语大词典: 汉语大词典出版社.
3. 刘洪涛 (1991), 中国古代科技史, 天津: 南开大学出版社.
4. 周去非 (1983), 嶺外代答 (影印文淵閣四庫全書第589册), 臺北: 臺灣商務印書館.
5. 张秀民 (1996), “安南书目提要”, 北京图书馆馆刊, 1), 58-62.
6. 張海瀛 biên soạn (1995), 中華族譜集成 李氏譜卷 (1-20冊), 成都: 巴蜀書社.
7. 吴慰祖 校订 (1960), 四庫採進書目(原名“各省進呈書目”), 北京: 商務印書館.
8. 沈括、潘天华 (2008), 夢溪筆談說解, 江苏: 江苏大学出版社.
9. 潘清簡、范春桂 (XIX), 欽定越史通鑑綱目, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, A.1/1-9.
10. 王鏊 (1983), 姑蘇志 (影印文淵閣四庫全書第493册), 臺北: 臺灣商務印書館.
11. 脱脱 等 (1977), 宋史, 北京: 中华书局.
12. 纪昀 (2000), 四库全书总目提要(1-4), 河北: 人民出版社.
13. 錢熙祚 編輯 (1889), 越史略 (守山閣叢書), 上海: 上海鴻文書局據清錢氏本景印.
14. 裴蘅之 (2008), 影响中国历史的100名人 (古代卷), 武汉: 武汉出版社.
15. 陈廷亮著 (2006), 中国古代史学史概要, 青海: 青海人民出版社.
16. 陈得芝 (2005), 蒙元史研究丛稿, 北京: 人民出版社.
17. 陳荊和 (1983), 校合本大越史記全書, 日本: 東京大學-東洋文化研究所-東洋學文獻刊行委員會.
18. 司馬光 (1997), 涑水記聞 (鄧廣銘、張希清 點校), 北京: 中華書局.
19. 李天锡 (2002), “安南李朝世家新考-兼考安南陈朝一世陈日昝籍属”, 华侨华人历史研究, 1), 56-61.
20. 李燾 (1983), 續資治通鑑長編 (影印文淵閣四庫全書第314-322册), 臺北: 臺灣商務印書館.
21. 沈括 (1975), 元刊夢溪筆談 北京: 文物出版社.
22. 鄭若曾 (1983), 鄭開陽雜著 (影印文淵閣四庫全書第584册), 臺北: 臺灣商務印書館.
23. 韩振华 (1989), “宋代兩位安海人的安南王”, in trong “安海港史研究” 編輯組 biên soạn, 安海港史研究, 福建: 福建教育出版社.
24. 顧祖禹 (2005), 讀史方輿紀要 (賀次君、施和金點校), 北京: 中華書局.
25. 馬端臨 (1983), 文獻通考 (影印文淵閣四庫全書第610-616册), 臺北: 臺灣商務印書館.
26. 黎崱 (2000), 安南志略 (中外交通史籍丛刊), 北京: 中华书局.
27. Hoàng Xuân Hãn (1998), *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, Tập II (Hữu Ngọc và Nguyễn Đức Hiền sưu tầm biên soạn), Hà Nội: Nxb Giáo dục.

28. Trần Kinh Hòa (2009), “Soạn niên, tài liệu và truyền bản của *An Nam chí lược*”, in trong *An Nam chí lược*, Lê Tắc soạn, Chương Thâu biên soạn, Hà Nội: Nxb Lao động, Trung tâm Ngôn ngữ Văn hóa Đông Tây, tr. 23-34.
29. Phan Huy Lê (2011), *Tìm về cội nguồn*, Hà Nội: Nxb Thế giới.
30. Phan Ngọc Liên biên soạn (2011), *Phương pháp luận sử học*, Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.
31. Nguyễn Quang Ngọc (2011), “Góp phần nhận diện lại quê hương nhà Lý” in trong *Với Thăng Long Hà Nội*, Hà Nội: Nxb Thế giới-Công ty Từ Văn, tr. 146-161.
32. Nguyễn Ngọc Phúc (2011), “Thư tịch, truyền thuyết, di tích về quê hương, gia đình và tuổi thơ Lý Công Uẩn”, in trong *Với Thăng Long Hà Nội*, Hà Nội: Nxb Thế giới-Công ty Từ Văn.
33. Hà Văn Tấn (2008), *Một số vấn đề lý luận sử học*, Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
34. Nguyễn Hùng Vĩ (2011), “Thân mẫu Lý Công Uẩn là người Bắc Ninh”, tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 118(4), tr. 69-72.
35. Trần Quốc Vương (2001), “Cổ Pháp - Thiên Đức - Kinh Bắc: Quê hương nhà Lý”, in trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Lý Công Uẩn và vương triều Lý*, Hà Nội: Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 75-83.

TÓM TẮT

Đi tìm nguyên quán của Lý Công Uẩn là một trong những vấn đề được đề cập nhiều trong thời gian qua trên các diễn đàn học thuật trong và ngoài nước. Trong bài viết này, tác giả đã tiến hành kiểm kê, phân nhóm và xem xét mức độ khả tín của các sử liệu liên quan đến nguồn gốc của Lý Công Uẩn.

Theo đó, sử liệu liên quan đến nguyên quán của Lý Công Uẩn chia làm 2 nhóm: Sử liệu cho biết Lý Công Uẩn là người đất Mân (Phúc Kiến, Trung Hoa) và sử liệu cho rằng Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ. Nhóm sử liệu cho Lý Công Uẩn là người đất Mân là những sử liệu gần như *đương thời* với Lý Công Uẩn, do các sử gia người Trung Hoa ghi chép, trong đó có những tác giả trực tiếp trải qua những sự kiện của cuộc chiến tranh Tống-Lý (1075-1077). Nhóm sử liệu cho Lý Công Uẩn là người Giao Chỉ thường là những sử gia người bản địa chép lại với độ *giãn cách thời gian* khá xa so với sự kiện. Các sử liệu thuộc nhóm này thường bộc lộ sự nhiễu loạn thông tin trong nhiều trường hợp, lẫn lộn rất nhiều yếu tố linh dị và truyền thuyết.

Tác giả bài viết, qua quá trình phân tích và phê phán các nguồn sử liệu nói trên, đã nhận thấy tính chất thống nhất của nhóm sử liệu nói về nguồn gốc Mân của Lý Công Uẩn.

ABSTRACT

HISTORICAL DOCUMENTS ON THE NATIVE COUNTRY OF LÝ CÔNG UẨN

Finding the native country of Lý Công Uẩn is one of the problems mentioned much on the domestic and international academic forum. In this article, the author conducts an inventory, group division and assess the credibility of the historical documents related to the native country of Lý Công Uẩn.

Accordingly, historical documents related to the native country of Lý Công Uẩn are divided into two groups: The former shows that Lý Công Uẩn came from the land of Mân (Fujian, China) and the later says he came from Giao Chỉ (Jiaozhi). The former group saying that Lý Công Uẩn came from the land of Mân was nearly contemporary with Lý Công Uẩn, and was recorded by Chinese historians, including the authors directly underwent the events of the war between the Song-Lý dynasties (1075-1077). The later group was recorded by native historians who lived quite a long time afterwards. In many cases, the data of this group often reveals confusing information by inserting peculiar and legendary factors.

Through the process of analysing and criticizing the historical sources mentioned above, the author remarks the consistency of the group talking about the native land of Mân of Lý Công Uẩn.